

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Tiến Dũng

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
TRONG LĨNH VỰC Y TẾ TỪ THỰC TIỄN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Nguyễn Tiên Dũng

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
TRONG LĨNH VỰC Y TẾ TỪ THỰC TIỄN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 8.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

TS. ĐỖ MINH KHÔI

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn tốt nghiệp thạc sĩ chuyên ngành Luật Hiến pháp và Luật Hành chính “Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh” là công trình nghiên cứu của riêng bản thân, được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và khảo sát thực tiễn, dưới sự hướng dẫn khoa học của TS. Đỗ Minh Khôi. Các số liệu nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc. Mọi số liệu được sử dụng đã được trích dẫn đầy đủ trong danh mục tài liệu tham khảo.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Tiến Dũng

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG LĨNH VỰC Y TẾ	6
1.1. Khái niệm, đặc điểm và sự cần thiết quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế của Ủy ban nhân dân tỉnh	6
1.2. Phương pháp quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm	12
1.3. Nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế	14
1.4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành trực thuộc trung ương	23
1.5. Yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.....	25
Chương 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG LĨNH VỰC Y TẾ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	29
2.1. Tình hình về an toàn thực phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh	29
2.2. Thực trạng quy định pháp luật về an toàn thực phẩm.....	31
2.3. Thực trạng hoạt động quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh	31
2.4. Đánh giá những hạn chế và nguyên nhân	48
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	55
3.1. Dự báo tình hình và định hướng quản lý An toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh	55
3.2. Phương hướng, mục tiêu quản lý An toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh	58
3.3. Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.....	59
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ATTP	: An toàn thực phẩm
NĐTP	: Ngô độc thực phẩm
UBND	: Ủy ban nhân dân
VSATTP	: Vệ sinh an toàn thực phẩm

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Thống kê NĐTP tại Thành phố Hồ Chí Minh	34
Bảng 2.2: Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia về VSATTP	36
Bảng 2.3: Bảng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện VSATTP	38

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

An toàn thực phẩm (ATTP) là một vấn đề hết sức quan trọng trong tình hình hiện nay, được tiếp cận thực phẩm sạch, an toàn đang là một quyền cơ bản của đối với mỗi con người. Thực phẩm an toàn đóng góp to lớn trong việc cải thiện sức khỏe con người, chất lượng cuộc sống và chất lượng giống nòi. Ngộ độc thực phẩm (NĐTP) và các bệnh do thực phẩm kém chất lượng gây ra không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và cuộc sống của mỗi con người mà còn là gánh nặng chi phí về chăm sóc sức khỏe, gián tiếp ảnh hưởng đến tình hình kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia. Bảo đảm ATTP góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và hội nhập quốc tế.

Những năm gần đây, công tác bảo đảm chất lượng ATTP, phòng chống NĐTP và các bệnh truyền qua thực phẩm ngày càng được các tầng lớp trong xã hội quan tâm. Sự vào cuộc quyết liệt của các cơ quan quản lý, các ngành chức năng và ý thức, trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng đã khiến cho công tác này đạt được những tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên thực tế hiện nay, mặc dù vấn đề ATTP liên tục được cập nhật trong các tin tức thời sự trong ngày, nhưng tình trạng thực phẩm “bẩn” vẫn không ngừng gia tăng trong cả nước. Điều đó dẫn đến Việt Nam đang trở thành quốc gia thuộc vùng nóng về vấn đề ATTP khi các vấn đề về thực phẩm ngày càng đe dọa đến tính mạng và sức khỏe con người. Kết quả giám sát ATTP từ năm 2011 đến tháng 10/2016 cho thấy, NĐTP vẫn đang diễn ra khá phức tạp, là một thách thức lớn trong công tác ATTP. Trong cả nước đã ghi nhận 1.007 vụ NĐTP với 30.395 người mắc với 25.617 người nhập viện và 164 người chết. Trung bình có 167,8 vụ/năm với 5.065,8 người mắc/năm và 27,3 người chết do NĐTP/năm; Theo Báo cáo của Bộ Y tế, trong giai đoạn 2011 – 2016, đã ghi nhận 07 bệnh truyền qua thực phẩm làm mắc 4.012.038 ca bệnh với 123 người chết, trung bình 668.673 ca bệnh/năm và 21 người chết/năm, trong đó chủ yếu là tiêu chảy cấp tính. Ước lượng tỷ lệ mắc tiêu chảy cấp do thực phẩm trong 01 năm là 25,87% dân số. Tình hình mắc các bệnh truyền nhiễm đường tiêu hóa vẫn đang được ghi nhận và diễn biến phức tạp.

Bên cạnh đó, thực phẩm không an toàn cũng là một phần nguyên nhân gây ra bệnh ung thư. Theo điều tra dịch tễ học của Hiệp hội ung thư thế giới thì có khoảng 35% ca mắc bệnh ung thư có nguồn gốc thực phẩm không an toàn.

Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế của cả nước, với hơn 60.000 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành y tế quản lý. Bên cạnh đó, còn là đầu mối giao thông nối liền các tỉnh trong vùng và là cửa ngõ quốc tế vì vậy vấn đề ATTP tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay đặt ra nhiều thách thức cho cơ quan quản lý về thực phẩm. Trong thời gian qua, trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh vẫn xảy ra một số vụ NĐTP ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Trong 05 năm gần đây, Thành phố đã ghi nhận trung bình là 34 vụ/năm và 2.857 người mắc/năm, tỷ lệ người NĐTP cấp tính trong các vụ là 4,76/100.000 dân. Bên cạnh những mặt làm được trong công tác quản lý nhà nước về ATTP tại Thành phố Hồ Chí Minh, hiện nay vẫn còn tồn tại nhiều bất cập như chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan QLNN về ATTP; những yếu kém trong công tác quản lý, thực thi, thi hành và các tồn tại trong công tác tuyên truyền, giáo dục về ATTP. Vì vậy, quản lý nhà nước về ATTP được xem là vấn đề nổi cộm cần giải quyết hiện nay.

Với những lý do nêu trên, tôi tiến hành nghiên cứu đề tài ***“Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong những năm qua, ATTP là một trong những vấn đề đang được xã hội quan tâm. Nhận thức được tầm quan trọng của thực phẩm trong cuộc sống con người nên ngày nay đã có một số công trình, nghiên cứu khoa học đã đề cập các khía cạnh khác nhau về ATTP và thực trạng QLNN về ATTP hiện nay cụ thể:

Tác giả Vũ Sỹ Thành nghiên cứu về “Quản lý nhà nước về ATTP từ thực tiễn Thành phố Hà Nội”. Nghiên cứu đã nêu lên được thực trạng về tình hình quản lý ATTP trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Việc nghiên cứu tại một Thành phố lớn, tập trung nhiều các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nên tác giả cũng đã có những

giải pháp, kiến nghị mang tính xây dựng và có ý nghĩa trong thực tiễn QLNN về ATTP tại Thành phố Hà Nội và các tỉnh thành trên cả nước.

Tác giả Trần Thị Khúc nghiên cứu về “Quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP) trên địa bàn Tỉnh Bắc Ninh”. Qua nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến công tác QLNN về VSATTP trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (giai đoạn năm 2011-2013) và những hạn chế trong quản lý VSATTP như chồng chéo quản lý; nguồn lực con người, cơ sở vật chất có hạn; thiếu sự phối hợp giữa các cơ quan.

Tác giả Ngô Thị Xuân nghiên cứu về “Quản lý nhà nước về VSATTP trên địa bàn Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình”. Bài nghiên cứu đã phân tích thực trạng QLNN về VSATTP (tập trung năm 2012 đến 2014), đã làm rõ nội dung QLNN về VSATTP; chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN về VSATTP trên địa bàn Huyện.

Tác giả Chu Thế Vinh nghiên cứu về “Thực trạng An toàn vệ sinh thực phẩm ở các cơ sở ăn uống và công tác quản lý tại Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng năm 2012 - 2013”, tác giả đã có nhìn nhận sâu sắc về thực trạng VSATTP tại Thành phố Đà Lạt. Nghiên cứu đã đánh giá thực trạng điều kiện VSATTP tại cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống tại Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên, giới hạn nghiên cứu chỉ được tiến hành tại 369 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống tại Thành phố Đà Lạt.

Tác giả Nguyễn Thị Tuyết Loan nghiên cứu về “Quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm từ thực tiễn Tỉnh Đồng Tháp” tác giả đã nêu lên thực trạng quản lý về ATTP ở Tỉnh Đồng Tháp nói riêng và cả nước nói chung. Trong đó nổi bật là thực trạng quản lý ATTP còn chồng chéo giữa các ngành và sự phối hợp với nhau chưa đồng bộ.

Có thể thấy vấn đề về ATTP đã được quan tâm rất nhiều thông qua những nghiên cứu ở các địa phương trên cả nước nhằm mục đích cải thiện công tác QLNN về ATTP, bảo đảm người dân được tiếp cận thực phẩm an toàn tốt cho sức khỏe. Với vị thế là trung tâm kinh tế xã hội của cả nước thì việc nghiên cứu về QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh là một công trình nghiên cứu gắn với thực trạng Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian hiện nay. Qua đó, hy

vọng có thể bổ sung, hoàn thiện hơn những kết luận nghiên cứu trước đây nhằm góp phần hoàn thiện việc QLNN về ATTP ở các địa phương trong cả nước.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận về quản lý ATTP nói chung, phân tích và đánh giá thực trạng công tác QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh qua đó, chỉ ra những mặt đạt được, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác này.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế.

Phân tích, đánh giá thực trạng QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016.

Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến công tác QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác QLNN về ATTP nói chung và ATTP trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

QLNN về ATTP theo quy định của Luật An toàn thực phẩm năm 2010 giao trách nhiệm quản lý cho ba ngành phụ trách là Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Công thương. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của mình, Luận văn tập trung nghiên cứu những lý luận cơ bản và hoạt động QLNN về ATTP được phân công cho ngành Y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Luận văn giới hạn nghiên cứu về hoạt động QLNN về ATTP trong lĩnh vực do ngành y tế phụ trách trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ năm 2012 đến năm 2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Qua nghiên cứu làm rõ thực trạng QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác này. Luận văn đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp phân tích được sử dụng để phân tích các số liệu về hoạt động QLNN về ATTP đã diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời điểm từ năm 2012 đến năm 2016.

- Phương pháp thống kê, tổng hợp, so sánh cũng được sử dụng nhằm nghiên cứu sách báo, tạp chí chuyên ngành và các báo cáo về thực trạng QLNN về ATTP; dựa trên các số liệu thống kê, tổng hợp về hoạt động QLNN về ATTP để so sánh và rút ra những mặt đạt được và chưa được nhằm đề ra các giải pháp hoàn thiện.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa lý luận: góp phần tổng hợp và làm rõ một số lý luận cơ bản về ATTP, QLNN về ATTP.

Ý nghĩa thực tiễn: Đánh giá được thực trạng QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Trên cơ sở đó chỉ ra những bất cập của công tác QLNN về ATTP nói chung và quản lý ATTP trong lĩnh vực y tế nói riêng. Đề xuất các phương hướng, giải pháp QLNN về ATTP nhằm phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội ngày nay.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, luận văn được kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế.

Chương 2: Thực trạng công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG LĨNH VỰC Y TẾ

1.1. Khái niệm, đặc điểm và sự cần thiết quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế của Ủy ban nhân dân tỉnh

1.1.1 Khái niệm an toàn thực phẩm

Theo tiêu chuẩn Codex stan 1-1985, tại điều 2 về giải thích thuật ngữ “Thực phẩm là những chất, được chế biến hay chế biến một phần hoặc ở dạng nguyên liệu thô chủ định dùng để ăn uống cho con người, bao gồm đồ uống, kẹo cao su, những chất sử dụng trong quá trình sản xuất, chế biến hoặc bổ sung vào thực phẩm, không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá và các chất được sử dụng như thuốc”. Để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Việt Nam trong việc ký kết, gia nhập những điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế, nước ta đã cụ thể hóa tiêu chuẩn Codex stan 1-1985 trong đó thực phẩm được giải thích là “tất cả các chất đã chế biến, sơ chế hoặc chưa chế biến nhằm sử dụng cho con người bao gồm đồ ăn, uống, nhai, ngậm và tất cả các chất được xử dụng để xử lý, chế biến hoặc xử lý thực phẩm, không bao gồm mỹ phẩm hoặc thuốc lá hoặc các chất chỉ được dùng làm dược phẩm” [2, tr. 06].

Luật An toàn thực phẩm năm 2010 giải thích “Thực phẩm là sản phẩm mà con người ăn, uống ở dạng tươi sống hoặc đã qua sơ chế, chế biến, bảo quản. Thực phẩm là không bao gồm mỹ phẩm, thuốc lá và các chất sử dụng như dược phẩm”. Với cách giải thích này tuy đã được rút gọn hơn so với khái niệm của Codex stan 1-1985 nhưng cơ bản vẫn liệt kê đầy đủ được các thành phần cấu thành thực phẩm theo giải thích thuật ngữ của quốc tế.

Trên thế giới hiện nay, khi đề cập về vấn đề ATTP có rất nhiều cách giải thích khác nhau. Theo trường Đại học University of Rhode Island Cooperative Extension giải thích “vệ sinh an toàn thực phẩm là bảo vệ nguồn cung thực phẩm khỏi các rủi ro do các loại vi khuẩn, các hóa chất và tình trạng vật lý gây ra hoặc sự nhiễm bệnh có thể xảy ra trong suốt các công đoạn của quá trình sản xuất thực phẩm và tiến hành trông trọt, thu hoạch, chế biến, vận chuyển, chuẩn bị, phân phối

và bảo quản thực phẩm. Mục đích của việc giám sát VSATTP là để giữ cho thực phẩm được an toàn, không bị nhiễm độc”. Theo cách giải thích trên đã liệt kê được các nhóm rủi ro có thể xảy ra đối với thực phẩm trong suốt quá trình từ khâu trồng trọt tới khi cho ra một sản phẩm thực phẩm để sử dụng. Tuy nhiên việc bảo đảm sức khỏe cho con người trong quá trình sử dụng thực phẩm chưa được nhắc đến.

Theo Liên minh Châu Âu, ATTP là những biện pháp và điều kiện cần thiết để kiểm soát các mối nguy và để đảm bảo sự phù hợp của thực phẩm có ý định dùng làm thực phẩm cho con người. Với khái niệm này cho thấy một khi thực phẩm bị coi là không an toàn nếu nó gây tổn hại đến người tiêu dùng hoặc không phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của con người dựa trên các phân tích nguy cơ ATTP. Trên thực tế, Liên minh Châu Âu có một hệ thống pháp luật rất chặt chẽ về ATTP, họ tập trung mạnh vào việc phân tích các mối nguy có thể ảnh hưởng đến ATTP, trên cơ sở đó đưa ra các chính sách, cảnh báo phù hợp.

Tại Việt Nam, “vệ sinh an toàn thực phẩm” cũng được sử dụng trong Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2003 qua đó, “vệ sinh an toàn thực phẩm là các điều kiện và biện pháp cần thiết để bảo đảm thực phẩm không gây hại cho sức khỏe, tính mạng con người”. Đến năm 2010, Quốc hội nước ta đã thông qua Luật An toàn thực phẩm năm 2010, đã sửa đổi “Vệ sinh an toàn thực phẩm” thành “An toàn thực phẩm” và được giải thích “ATTP là việc bảo đảm để thực phẩm không gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người”. Với cách giải thích này tuy nó ngắn gọn hơn so với Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2003 nhưng đã bao hàm được các khái niệm về VSATTP.

Tóm lại, với hai cách gọi khác nhau, “An toàn thực phẩm” hay “Vệ sinh an toàn thực phẩm” đều được hiểu là một quá trình bao gồm việc xử lý, chế biến, bảo quản và lưu trữ thực phẩm bằng những phương pháp phòng ngừa, phòng chống bệnh tật do thực phẩm gây ra. Vệ sinh (làm sạch) an toàn (không nguy hại) thực phẩm cũng bao gồm một số thói quen, thao tác trong khâu chế biến cần được thực hiện để tránh các nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe.

Phân biệt giữa ATTP và chất lượng thực phẩm cho thấy: ATTP là một phần của chất lượng thực phẩm hay chất lượng thực phẩm là khái niệm rộng hơn, nó bao

gồm cả ATTP. Bên cạnh ATTP, chất lượng thực phẩm còn bao hàm các tiêu chí khác như giá trị dinh dưỡng, mùi vị, kích thích của sản phẩm thực phẩm... [30, tr.15].

Hiện nay, trên các thông tin truyền thông chúng ta thường hay được tiếp cận hai khái niệm “thực phẩm bẩn” và “thực phẩm không an toàn” để nói lên tình trạng không bảo đảm an toàn của thực phẩm. Tuy nhiên, theo phương diện khoa học nghĩa hai cụm từ này là khác nhau. Thực phẩm bẩn chủ yếu được sử dụng để nói đến quá trình sản xuất, chế biến và phân phối không bảo đảm vệ sinh vì vậy, để giải quyết thực phẩm bẩn chỉ cần khắc phục được yếu tố điều kiện vệ sinh trong quá trình sản xuất thực phẩm trước khi đưa vào tiêu thụ. Thực phẩm không an toàn là một khái niệm rộng hơn, ngoài yếu tố trên còn việc xuất hiện các chất, vi sinh vật gây hại trong thực phẩm với một hàm lượng đủ để gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người. Không thể giải quyết thực phẩm không an toàn bằng việc nâng cao vệ sinh như thực phẩm bẩn, vì các yếu tố không an toàn nằm ngay bên trong của nguyên vật liệu được sử dụng đầu vào của quá trình sản xuất.

Qua các khái niệm trên có thể khái quát nội dung của ATTP không chỉ nêu lên các điều kiện vệ sinh của thực phẩm, các dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm mà còn là các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực phẩm không xảy ra các vấn đề do vi khuẩn, hóa chất, tình trạng vật lý hay các nguy cơ nhiễm bệnh gây ra trong suốt quá trình sản xuất, chế biến, bảo quản và sử dụng thực phẩm nhằm bảo đảm sức khỏe, tính mạng con người.

1.1.2 Khái niệm, đặc điểm quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm

Quản lý là sự tác động có kế hoạch, sắp xếp tổ chức, chỉ huy, điều khiển, hướng dẫn, kiểm tra của các chủ thể quản lý (cá nhân hay tổ chức) đối với hoạt động xã hội, để chúng phát triển phù hợp với quy luật và đạt tới mục đích đã đề ra của tổ chức, đúng ý chí của nhà quản lý, với chi phí thấp nhất [10, tr.140].

Quản lý ATTP từ góc độ xã hội chính là việc phân loại thực phẩm giữa an toàn và không an toàn bằng công cụ pháp lý. Mục đích của việc phân loại là giúp loại bỏ thực phẩm nguy hiểm khỏi thị trường trước khi chúng được tiêu thụ. Việc

phân loại này do Nhà nước đảm nhiệm và được cơ quan chuyên trách tiến hành [27, tr. 6].

QLNN là sự tác động của các chủ thể mang tính quyền lực nhà nước, bằng nhiều biện pháp đến các đối tượng quản lý nhằm thực hiện những chức năng đối nội và đối ngoại của Nhà nước trên cơ sở pháp luật [10, tr.153].

Thông qua những khái niệm đã nêu làm rõ nội dung QLNN về ATTP đó là việc các cơ quan QLNN tác động bằng nhiều biện pháp lên các đối tượng quản lý nhằm mục đích bảo đảm xã hội được tiếp cận, sử dụng thực phẩm an toàn, chất lượng. Nhà nước sử dụng quyền lực được nhân dân giao cho để trực tiếp điều hành, tác động lên các chủ thể quản lý mà ở đây cụ thể là các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng thông qua các công vụ chính sách, pháp luật, kế hoạch và các quy định khác của pháp luật về ATTP. Quyền lực nhà nước được bảo đảm bằng khả năng áp dụng, cưỡng chế thông qua chủ yếu ở các văn bản cụ thể cá biệt. Bên cạnh đó, trong hoạt động quản lý của mình, nhà nước còn là chủ thể chấp hành, thực hiện trên thực tế các luật và các văn bản dưới luật đã được ban hành.

Có thể thấy, trong công tác quản lý xã hội của nhà nước, mỗi ngành mỗi lĩnh vực đều có mục tiêu nhất định nhằm cụ thể hóa mục tiêu tổng quát của công tác quản lý xã hội. So sánh QLNN về ATTP với QLNN về văn hoá hay giáo dục, đào tạo thì có thể thấy QLNN về ATTP là một bộ phận của QLNN về y tế với mục tiêu là bảo đảm, chăm sóc sức khỏe nhân dân, trong khi đó QLNN về giáo dục và đào tạo là hoạt động nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước và hoàn thiện nhân cách cho con người (giáo dục con người) còn đối với QLNN về văn hóa là hoạt động góp phần định hướng, điều chỉnh sự phát triển của văn hóa quốc gia, xây dựng và gìn giữ bản chất của văn hóa dân tộc. Trong QLNN có thể thấy mỗi lĩnh vực, mỗi ngành đều có sự tác động nhất định đến các đối tượng quản lý của mình thì QLNN về ATTP tác động lên các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng, hướng các đối tượng này đi đến mục tiêu chung là bảo đảm chất lượng thực phẩm, bảo đảm sức khỏe nhân dân.

Xét về đối tượng quản lý, do QLNN về ATTP là một bộ phận của QLNN về y tế nên chủ yếu tập trung vào các đối tượng có liên quan đến quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người dân. Trong nền kinh tế - xã hội ngày nay, công tác QLNN về ATTP là một bộ phận cần thiết không những góp phần vào sự phát triển chung của toàn xã hội mà còn tác động đến các lĩnh vực khác như: việc con người được bảo đảm về sức khỏe làm nâng cao năng suất lao động từ đó có đóng góp nhất định đến kết quả hoạt động của các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục... , ngoài ra trong công tác QLNN về ATTP còn định hướng các nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm phát triển bền vững trên cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chất lượng, an toàn qua đó góp phần vào phát triển kinh tế của xã hội.

Từ khái niệm trên cho thấy công tác QLNN về ATTP bao gồm: công tác hoạch định và ban hành các văn bản, chính sách, chiến lược, kế hoạch có liên quan đến vấn đề ATTP; công tác tổ chức thực hiện, triển khai luật về ATTP và các văn bản có liên quan; công tác giáo dục, tuyên truyền về ATTP và công tác thanh tra, kiểm tra. Những nội dung nêu trên đã được luật hóa từ chương III đến chương IX Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

Công tác QLNN về ATTP hiện nay ở nước ta là quản lý theo ngành do nhiều cơ quan thực hiện. Việc bảo đảm ATTP là trách nhiệm của toàn xã hội nhưng trên hết vẫn là trách nhiệm quản lý của các cơ quan nhà nước đã được quy định tại Luật An toàn thực phẩm năm 2010, cụ thể quy định tại Điều 61, Chính phủ thống nhất QLNN về ATTP, Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện QLNN về ATTP, riêng trách nhiệm của các Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn được quy định tại Điều 63 và Điều 64 và trách nhiệm của Ủy Ban nhân dân các cấp được quy định tại Điều 65.

Trong QLNN về ATTP thể hiện những đặc điểm: quản lý ATTP phải trên cơ sở quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, quy định do cơ quan QLNN có thẩm quyền ban hành và tiêu chuẩn do tổ chức, cá nhân sản xuất công bố áp dụng; phải được thực hiện trong suốt quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên cơ sở phân tích các mối nguy đối với ATTP; phải bảo đảm phân công, phân cấp rõ ràng và phối hợp

liên ngành; phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tính trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm do mình sản xuất, kinh doanh.

1.1.3 Sự cần thiết quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm

Có thể nói, sức khỏe là vốn quý nhất của xã hội, vì vậy, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân là hoạt động được nhà nước ưu tiên hàng đầu. Hiến pháp năm 2013 quy định “mọi người được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe”. Để thực hiện quyền này, công tác QLNN về ATTP là rất cần thiết nhằm bảo đảm người dân được sử dụng các thực phẩm an toàn, được chăm sóc sức khỏe từ chính những bữa ăn an toàn, chất lượng.

Trong một xã hội không có thương mại, con người tự sản xuất và tự tiêu dùng sản phẩm mình làm ra thì sẽ không cần đến những quy định về ATTP. Tuy nhiên, một khi thực phẩm được sản xuất và trở thành hàng hóa đưa ra thị trường nhằm mục đích trao đổi, mua bán thì đòi hỏi về ATTP là cần thiết. Trong nền kinh tế thị trường, để tăng lợi nhuận các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm sẽ sử dụng các loại phụ gia, hóa chất... nhằm tăng năng suất, giúp sản phẩm của họ được bảo quản lâu hơn, đẹp mắt hơn, thu hút người tiêu dùng. Một khi sản phẩm thực phẩm có chứa các chất phụ gia, hóa chất không được phép sử dụng hoặc sử dụng vượt quá giới hạn cho phép thì người tiêu dùng là đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp. Không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe con người mà còn ảnh hưởng xấu đến các hoạt động về thương mại, nền an ninh chính trị và sự trường tồn của giống nòi. Vì vậy cần có QLNN nhằm định hướng các cơ sở sản xuất, kinh doanh có môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh thực phẩm trong một nền kinh tế thị trường hiện nay dựa trên hệ thống pháp luật về ATTP. Đây là lý do cho thấy sự cần thiết phải có QLNN về ATTP

Nhằm quản lý xã hội trong nền kinh tế thị trường, nhà nước cần làm tròn nghĩa vụ của mình. Trong lĩnh vực ATTP phải đảm bảo một hệ thống pháp luật chặt chẽ, phù hợp với thực tiễn, kịp thời điều chỉnh các quy định lạc hậu, gỡ bỏ những rào cản, khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động. Nhận thấy sự cần thiết trên, nhà nước đã ban hành Luật An toàn thực phẩm nhằm tạo một hành lang pháp lý “quy

định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong bảo đảm ATTP; điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm, sản xuất, kinh doanh thực phẩm và nhập khẩu, xuất khẩu thực phẩm; quảng cáo, ghi nhãn thực phẩm; kiểm nghiệm thực phẩm; phân tích nguy cơ đối với ATTP; phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về ATTP; thông tin, giáo dục, truyền thông về ATTP; trách nhiệm QLNN về ATTP”.

Qua hoạt động QLNN về ATTP các cơ quan quản lý định hướng phát triển, nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng thực phẩm nhằm đáp ứng được các mục tiêu quốc gia về kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ nhất định, phù hợp với các điều ước, công ước quốc tế mà Việt Nam tham gia thành viên hoặc ký kết.

Bên cạnh đó, hoạt động QLNN về ATTP góp phần hỗ trợ cho người dân được tiếp cận thực phẩm an toàn, được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe từ đó người dân cảm thấy yên tâm hơn khi sử dụng sản phẩm thực phẩm trên thị trường, gián tiếp thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

1.2. Phương pháp quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm

Phương pháp QLNN về ATTP là tổng thể những cách thức tác động có chủ đích của nhà nước lên các đối tượng quản lý nhằm thực hiện mục tiêu bảo đảm sức khỏe nhân dân. Trong quá trình quản lý, nhà nước thường sử dụng 03 phương pháp chủ yếu: phương pháp hành chính - mệnh lệnh, phương pháp kinh tế và phương pháp giáo dục.

Thứ nhất, Phương pháp hành chính – mệnh lệnh là phương pháp quản lý thông qua các mệnh lệnh hành chính dứt khoát, bắt buộc đối với đối tượng quản lý. Nhà nước tác động trực tiếp đến các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng thông qua các mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định hành chính. Phương pháp này mang tính bắt buộc và tính quyền lực. Tính bắt buộc đòi hỏi các đối tượng quản lý phải chấp hành nghiêm chỉnh các tác động hành chính trong quá trình hoạt động của mình, nếu vi phạm sẽ bị xử lý, chế tài theo quy định của pháp luật. Tính quyền lực đòi hỏi cơ quan nhà nước chỉ được phép đưa ra tác động hành chính đúng thẩm quyền của mình đã được pháp luật quy định.

Trong QLNN nói chung, QLNN về ATTP nói riêng phương pháp hành chính – mệnh lệnh có vai trò to lớn, xác lập được kỷ cương trật tự trong xã hội. Tuy nhiên,

để có hiệu quả khi sử dụng phương pháp này đòi hỏi phải tuân thủ chặt chẽ nguyên tắc về quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan QLNN khi ra quyết định.

Thứ hai, Phương pháp kinh tế là phương pháp tác động gián tiếp đến hành vi của các đối tượng quản lý thông qua sử dụng những đòn bẩy kinh tế tác động đến lợi ích của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng. Thông qua phương pháp này Nhà nước đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, điều kiện khuyến khích về kinh tế, phương tiện vật chất như giảm thuế, miễn thuế thu nhập, cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ về kỹ thuật nhằm thúc đẩy, khuyến khích các đối tượng quản lý phát triển theo hướng có lợi cho xã hội. Phương pháp kinh tế được sử dụng khi cần điều chỉnh các hành vi không có nguy cơ gây hậu quả xấu cho cộng đồng hoặc chưa đủ điều kiện để áp dụng phương pháp hành chính cưỡng chế.

Trong công tác quản lý, phương pháp kinh tế là phương pháp mềm dẻo nhất, dễ thu hút các đối tượng quản lý, do vậy ngày nay nó ngày càng mang tính phổ biến và thường được sử dụng trong công tác quản lý. Thông qua phương pháp này, nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân giúp cho nhà nước giảm bớt được nhiều công việc hành chính như kiểm tra, giám sát có tính chất sự vụ hành chính. Vì vậy, sử dụng phương pháp này vừa tiết kiệm được chi phí quản lý, vừa giảm được tính cứng nhắc của công tác hành chính, vừa tăng tính sáng tạo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thứ ba, Phương pháp giáo dục là cách thức tác động của Nhà nước vào nhận thức và tình cảm của con người nhằm nâng cao tính tự giác, tích cực. Tuyên truyền, giáo dục là phương pháp không thể thiếu trong công tác QLNN bởi vì mọi đối tượng quản lý suy cho cùng cũng chỉ là quản lý con người mà con người là tổng hòa của nhiều mối quan hệ xã hội và ở họ có những đặc trưng tâm lý rất đa dạng đòi hỏi phải có nhiều phương pháp tác động khác nhau trong việc tuyên truyền, giáo dục.

Theo xu hướng chung hiện nay thì phương pháp này phải được làm thường xuyên, liên tục, nghiêm túc và phải được kết hợp với hai phương pháp trên để nâng cao hiệu quả của hoạt động quản lý sở dĩ như vậy là do việc sử dụng phương pháp hành chính – mệnh lệnh hay kinh tế để điều chỉnh hành vi của các đối tượng quản lý

suy cho cùng vẫn là tác động bên ngoài, do đó không triệt để và toàn diện. Hơn nữa, bản thân phương pháp hành chính và kinh tế cũng phải qua hoạt động thuyết phục, giáo dục thì mới truyền tới được các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng để đạt những mục tiêu quản lý do Nhà nước đề ra.

1.3. Nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế

Công tác QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế của UBND Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương theo quy định của pháp luật bao gồm rất nhiều nội dung. Tuy nhiên, trong quá trình nghiên cứu tập trung vào các nội dung cơ bản nhất trong công tác QLNN về ATTP bao gồm: hoạch định chính sách và triển khai các chương trình về ATTP; tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và các chính sách về sản xuất, kinh doanh thực phẩm; tổ chức bộ máy quản lý; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về ATTP; tuyên truyền, giáo dục pháp luật về ATTP.

1.3.1. Hoạch định chính sách và triển khai các chương trình nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm

Đối với một chu trình chính sách thường bắt đầu từ việc hoạch định chính sách, tiếp theo là thực thi chính sách và sau một khoảng thời gian thực hiện cần tiến hành đánh giá chính sách để điều chỉnh, bổ sung chính sách.... Như vậy, hoạch định chính sách được coi là bước khởi đầu trong chu trình chính sách. Đây là bước đặc biệt quan trọng vì khi hoạch định đúng đắn, khoa học sẽ xây dựng được chính sách tốt và là tiền đề để đi vào cuộc sống, mang lại hiệu quả cao. Ngược lại, hoạch định sai cho ra đời chính sách không phù hợp với thực tế, thiếu tính khả thi, sẽ mang lại hậu quả không mong muốn trong quá trình quản lý. Những tổn hại này không chỉ tạm thời, cục bộ, mà nó ảnh hưởng lâu dài, liên quan tới nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau.

Chính sách muốn đi vào thực tiễn đòi hỏi các hoạch định chính sách phải được cụ thể hóa thành các văn bản quy phạm pháp luật qua đó tạo thành căn cứ pháp lý cho việc thi hành trên thực tế, song bên cạnh đó nó còn bao hàm những phương án, hành động không mang tính bắt buộc mà có tính định hướng, kích thích sự phát triển.

Hoạch định chính sách, chương trình về ATTP tại địa phương được quy định tại khoản 1, Điều 65 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 “*Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật địa phương; xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng, cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn để bảo đảm việc quản lý được thực hiện trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm*”. Điều này thực hiện dựa trên cơ sở đường lối, chiến lược, định hướng chính sách của Đảng và Nhà nước về ATTP kết hợp tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Trên cơ sở thực tiễn vấn đề ATTP, các địa phương tập trung xây dựng các chính sách, chương trình, kế hoạch về ATTP đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm sức khỏe nhân dân. Các chính sách, chương trình, kế hoạch được áp dụng trong QLNN về lĩnh vực ATTP hiện nay bao gồm:

Thứ nhất, Xây dựng chiến lược, quy hoạch tổng thể về bảo đảm ATTP, quy hoạch vùng sản xuất thực phẩm an toàn theo chuỗi cung cấp thực phẩm;

Thứ hai, Sử dụng nguồn lực nhà nước và các nguồn lực khác đầu tư nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ phục vụ việc phân tích nguy cơ đối với ATTP; xây dựng mới, nâng cấp một số phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn khu vực, quốc tế; nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm phân tích hiện có;

Thứ ba, Khuyến khích các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất; sản xuất thực phẩm chất lượng cao, bảo đảm an toàn; bổ sung vi chất dinh dưỡng thiết yếu trong thực phẩm; xây dựng thương hiệu và phát triển hệ thống cung cấp thực phẩm an toàn;

Thứ tư, Thiết lập khuôn khổ pháp lý và tổ chức thực hiện lộ trình bắt buộc áp dụng hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), Thực hành vệ sinh tốt (GHP), Phân tích nguy cơ và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP) và các hệ thống quản lý ATTP tiên tiến khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

Thứ năm, Mở rộng hợp tác quốc tế, đẩy mạnh ký kết điều ước, thỏa thuận quốc tế về công nhận, thừa nhận lẫn nhau trong lĩnh vực thực phẩm;

Thứ sáu, Khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn;

Thứ bảy, Khuyến khích, tạo điều kiện cho hội, hiệp hội, tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư, tham gia vào các hoạt động xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm nghiệm ATTP;

Thứ tám, Tăng đầu tư, đa dạng các hình thức, phương thức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức người dân về tiêu dùng thực phẩm an toàn, ý thức trách nhiệm và đạo đức kinh doanh của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng.

1.3.2. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và các chính sách trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm

Việc tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về ATTP là bước cụ thể hóa các văn bản quản lý đã được ban hành. Trên cơ sở đó, cơ quan quản lý đưa hoạt động của các đối tượng quản lý và chính cơ quan quản lý vào một khuôn khổ nhất định thông qua các quyết định hành chính. Trong quá trình hoạt động của mình, cơ quan QLNN về ATTP xem xét, cân nhắc để lựa chọn phương án có hiệu quả nhất để từ đó ban hành quyết định hành chính trong lĩnh vực ATTP.

Khoản 2, Điều 65 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định trách nhiệm của UBND “*Chịu trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng theo phân cấp quản lý*”. Với quy định này trong công tác quản lý ATTP trong lĩnh vực y tế, Sở Y tế các Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương tham mưu giúp UBND tổ chức triển khai, cụ thể hóa các chính sách, quy định của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý. Theo đó, các cơ quan nhà nước tổ chức, thực hiện nhiệm vụ cụ thể sau: tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP; xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại hình sản phẩm theo phân cấp của Bộ Y

tế; kiểm nghiệm thực phẩm, phân tích nguy cơ đối với ATTP, phòng ngừa, ngăn chặn và khắc phục sự cố về ATTP

Thứ nhất, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP. Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định các tổ chức, cá nhân khi sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải bảo đảm đủ các điều kiện về cơ sở sản xuất, kinh doanh, trang thiết bị, dụng cụ và điều kiện về con người trên cơ sở đó sẽ được cơ quan nhà nước cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

Thứ hai, xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm. Với sự phát triển của xã hội, để tiếp cận với người tiêu dùng nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm thường sử dụng các phương tiện thông tin nhằm quảng cáo sản phẩm thực phẩm của mình. Việc quản lý nội dung quảng cáo thực phẩm của các cơ quan quản lý nhằm bảo đảm cho người tiêu dùng được tiếp cận những nội dung, thông tin về thực phẩm một cách trung thực, đúng bản chất của sản phẩm, từ đó người tiêu dùng có đủ thông tin để lựa chọn những sản phẩm thực phẩm chất lượng và phù hợp với nhu cầu. Theo quy định của pháp luật, nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm muốn thực hiện quảng cáo phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra và xác nhận nội dung quảng cáo về thực phẩm trước khi thực hiện quảng cáo.

Thứ ba, tiếp nhận và cấp giấy xác nhận công bố sản phẩm thực phẩm. Sản phẩm thực phẩm trước khi đưa vào lưu thông trên thị trường để bảo đảm chất lượng, Cơ quan quản lý buộc người sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải công bố chất lượng sản phẩm. Đây là bản cam kết về chất lượng thực phẩm của nhà sản xuất, kinh doanh đối với nhà quản lý và với người tiêu dùng. Trên cơ sở đó, nhà sản xuất, kinh doanh sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật những cam kết về chất lượng sản phẩm của mình đồng thời, nhà nước có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và xác nhận nội dung công bố sản phẩm thực phẩm. Theo quy định hiện hành cơ quan QLNN về ATTP sẽ tiếp nhận và cấp Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP đối với sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật tương ứng và Giấy tiếp nhận công bố hợp quy đối với sản phẩm thực phẩm có quy chuẩn kỹ thuật.

Thứ tư, một quy định mới trong Luật An toàn thực phẩm năm 2010 là nhằm mục đích bảo đảm các điều kiện trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ quan

QLNN trong quá trình triển khai nhiệm vụ cần thực hiện kiểm nghiệm thực phẩm, phân tích nguy cơ, ngăn chặn, khắc phục sự cố về ATTP và truy nguyên nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm an toàn.

Thứ năm, UBND các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn sự cố về ATTP, đồng thời khắc phục các sự cố về ATTP trong phạm vi địa phương trong đó, Ngành y tế chịu trách nhiệm chính, kịp thời phát hiện, điều tra, xác định nguyên nhân, cấp cứu và điều trị cho người bị NĐTP và bệnh truyền qua thực phẩm.

1.3.3. Việc thông tin, báo cáo công tác an toàn thực phẩm

Chế độ thông tin, báo cáo trong hoạt động QLNN nói chung, và trong hoạt động QLNN về ATTP nói riêng là một hoạt động không thể thiếu trong công tác QLNN. Báo cáo trong QLNN là loại văn bản dùng để phản ánh tình hình thực tế, trình bày kết quả hoạt động công việc trong hoạt động của cơ quan nhà nước, giúp cho việc đánh giá tình hình quản lý, lãnh đạo và đề xuất những biện pháp, chủ trương quản lý mới.

Thông qua báo cáo, cơ quan quản lý cấp trên có thể kiểm chứng được tính khả thi, sự phù hợp hay bất cập của chính sách do chính họ ban hành để sửa đổi kịp thời. Các báo cáo sơ kết, tổng kết công tác, báo cáo chuyên đề là những tư liệu quan trọng giúp cho cơ quan chuyên ngành, nhà khoa học nghiên cứu tổng kết các vấn đề thực tiễn của xã hội, của tự nhiên để tham mưu cho cơ quan quản lý hoạch định chính sách, xây dựng văn bản quy phạm pháp luật phục vụ yêu cầu quản lý kinh tế, xã hội một cách chính xác.

Trong hoạt động QLNN về ATTP việc báo cáo kết quả là một nhiệm vụ đã được luật định theo đó, UBND có trách nhiệm thực hiện “*báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác quản lý an toàn thực phẩm trên địa bàn*”. Công việc này tại địa phương được UBND giao đầu mỗi thực hiện cho ngành y tế, tham mưu giúp UBND thực hiện chế độ thông tin, báo cáo tình hình thực hiện, triển khai và chấp hành pháp luật về ATTP tại địa phương. Bên cạnh hoạt động báo cáo, Sở Y tế còn tập trung vào việc thông tin các vấn đề về ATTP đến toàn xã hội, qua đó vấn đề ATTP được công

khai rộng rãi giúp người dân, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm có một thông tin rõ ràng về thực trạng ATTP tại địa phương.

1.3.4. Tổ chức bộ máy quản lý, đào tạo cán bộ thực thi công vụ

Việc xây dựng bộ máy QLNN về ATTP hiện nay phải bảo đảm tinh gọn, điều hành tập trung, thống nhất, thông suốt, linh hoạt, giải quyết kịp thời, đúng thẩm quyền những vấn đề do Nhà nước và nhân dân đặt ra. Trên cơ sở đó, Luật An toàn thực phẩm đã được ban hành năm 2010 với nhiều đổi mới quan trọng, như: tiếp cận quản lý ATTP trong toàn bộ quá trình sản xuất, bảo đảm truy xuất nguồn gốc thực phẩm; thu gọn đầu mối quản lý ATTP từ 05 bộ xuống còn 03 bộ chịu trách nhiệm chính trong quản lý ATTP, gồm: Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương và có sự phân công cụ thể trách nhiệm quản lý ATTP của các bộ đối với từng nhóm sản phẩm tại Điều 62, 63, 64.

Tại Trung ương: QLNN về ATTP được phân công cho 03 bộ: Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương. Trong đó, Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất QLNN về ATTP. Tại 03 Bộ này đều có các đơn vị chuyên môn phụ trách. Bên cạnh đó, Ban chỉ đạo liên ngành Trung ương về VSATTP được thành lập do Phó Thủ tướng làm Trưởng ban để chỉ đạo việc phối hợp hoạt động giữa các Bộ.

Tại địa phương: Khoản 4, Điều 65 Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định UBND có trách nhiệm “*bố trí nguồn lực, tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn*”. Trên cơ sở luật định, UBND giao chức năng, nhiệm vụ, biên chế cho Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn giúp tham mưu UBND trong công tác QLNN về ATTP; ở các đơn vị này đều có các cơ quan chuyên môn thực hiện chức năng tham mưu QLNN về ATTP trên địa bàn. Bên cạnh đó, UBND giao các Sở ban ngành phối hợp với Sở Y tế trong việc tổ chức, bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức được giao nhiệm vụ quản lý về ATTP trên địa bàn.

Tổ chức bộ máy QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế tại Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương hiện nay do Sở Y tế thực hiện tham mưu giúp UBND. Trong

việc thực hiện nhiệm vụ quản lý ATTP trên địa bàn Sở Y tế còn có các cơ quan trực thuộc quản lý bao gồm: Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm là cơ quan chuyên môn về ATTP giúp Sở Y tế trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý ATTP trong lĩnh vực y tế. Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế thực hiện chức năng giám sát chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt; xét nghiệm ATTP; dinh dưỡng cộng đồng. Bên cạnh đó, còn đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần kinh phí trực thuộc Sở Y tế là Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc – Mỹ phẩm – Thực phẩm thực hiện việc kiểm nghiệm, giám sát chất lượng thực phẩm trên địa bàn.

1.3.5. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm

Kiểm tra là một trong những chức năng của quản lý nói chung, QLNN nói riêng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của QLNN. Qua kiểm tra phát hiện kịp thời các vi phạm pháp luật, nguyên nhân, điều kiện dẫn đến những vi phạm pháp luật để có những biện pháp xử lý kịp thời, xây dựng những biện pháp phòng ngừa bên cạnh đó còn chỉ ra những yếu kém bất cập trong quản lý, nguyên nhân của chúng nhằm đưa ra những biện pháp khắc phục.

Trên thực tế, hoạt động thanh tra và hoạt động kiểm tra có quan hệ mật thiết gắn bó với nhau, cả hai hoạt động này đều có cùng mục đích là nhằm phát huy những nhân tố tích cực; phòng ngừa, phát hiện, xử lý những vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao của các chủ thể, góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý và đưa ra các biện pháp tổ chức thực hiện tiếp theo để đạt kết quả như mong muốn tuy nhiên, hai hoạt động này là riêng biệt và được phân biệt bởi những tính chất đặc thù. Hoạt động thanh tra được thực hiện trên cơ sở pháp lý được quy định tại Luật Thanh tra năm 2010 theo đó, chủ thể tiến hành của hoạt động thanh tra chỉ có cơ quan thanh tra được quy định tại Luật Thanh tra còn đối với hoạt động kiểm tra thì chủ thể tiến hành rất rộng và đa dạng. Phạm vi hoạt động của thanh tra thường hẹp hơn phạm vi hoạt động của kiểm tra bởi phạm vi hoạt động của thanh tra chủ yếu được thực hiện theo kế hoạch, đột xuất, thường được chọn lọc một cách kỹ lưỡng để đảm bảo tính trọng tâm, trọng điểm, hiệu lực hiệu quả của thanh tra

cũng như đảm bảo mục đích của thanh tra. Trong khi đó, hoạt động kiểm tra diễn ra thường xuyên và thực hiện trên diện rộng với nhiều hình thức phong phú, đa dạng không bắt buộc theo hình thức, trình tự, thủ tục nghiêm ngặt như hoạt động thanh tra do Luật thanh tra quy định.

Tuy nhiên cho dù có những khác nhau giữa thanh tra, kiểm tra nhưng hai hoạt động này đều có cùng chung mục đích, là hai hoạt động không thể thiếu trong công tác QLNN về ATTP. Bên cạnh việc thường xuyên kiểm tra các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm còn phải tiến hành thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP để có những biện pháp chấn chỉnh kịp thời, phát hiện những thiếu sót trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp khắc phục; phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý.

Công tác kiểm tra, thanh tra về ATTP luôn được coi là một hoạt động quan trọng và ưu tiên trong công tác QLNN về ATTP, Luật An toàn thực phẩm năm 2010 quy định đây là trách nhiệm của UBND trong công tác QLNN về ATTP (khoản 6, Điều 65). Hoạt động này được tiến hành đồng loạt từ Trung ương đến địa phương bằng nhiều biện pháp như định kỳ theo kế hoạch hay đột xuất vào các đợt cao điểm như mùa lễ hội, các sự vụ ảnh hưởng do thiên tai, dịch bệnh.... Thông qua kiểm tra, thanh tra về ATTP các chủ thể quản lý tự điều chỉnh hành vi của mình theo mục tiêu, nhiệm vụ QLNN, cơ quan cấp trên có thể thường xuyên xem xét tình hình triển khai, thực hiện nhiệm vụ của cơ quan cấp dưới.

Theo quy định của Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Thanh tra ATTP là thanh tra chuyên ngành do ngành y tế, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngành công thương thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra. Trong QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế thì hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về ATTP do lực lượng thanh tra chuyên ngành Thanh tra Sở và Công chức được giao chức năng thanh tra của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trong giai đoạn 2012 – 2016 để thực hiện xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm, Chính phủ có 03 Nghị định bao gồm Nghị định số 45/2005/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2005 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế. Sau khi Luật An toàn thực phẩm năm 2010 có hiệu lực các quy định về xử phạt vi phạm hành chính về ATTP quy định tại Điều 15, 17 và 18 của Nghị định số 45/2005/NĐ-CP được bãi bỏ thay vào đó Chính phủ ban hành nghị định xử phạt vi phạm hành chính riêng cho lĩnh vực ATTP là Nghị định số 91/2012/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP. Nghị định này hết hiệu lực từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 và được thay thế bởi Nghị định số 178/2013/NĐ/CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP còn hiệu lực cho đến nay. Theo quy định hiện hành, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về ATTP tại địa phương thuộc Chủ tịch UBND các cấp và đối với ngành y tế thẩm quyền được giao cho Chánh thanh tra Sở Y tế, thanh tra viên và người được giao thực hiện thanh tra chuyên ngành.

1.3.6. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm

Công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về ATTP luôn được quan tâm trong công tác QLNN về ATTP nhằm nâng cao nhận thức của người dân góp phần thay đổi hành vi trong quá trình sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm. Chính vì vậy Luật An toàn thực phẩm năm 2010 đã quy định:

Thông tin, giáo dục, truyền thông về ATTP nhằm nâng cao nhận thức về ATTP, thay đổi hành vi, phong tục, tập quán sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt, ăn uống lạc hậu, gây mất ATTP, góp phần bảo vệ tính mạng, sức khỏe của con người; đạo đức kinh doanh, ý thức trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh với sức khỏe, tính mạng của người tiêu dùng.

Hoạt động truyền thông, giáo dục phải được tổ chức với nhiều hình thức phong phú như xây dựng những chủ đề khác nhau dựa trên những vấn đề bức xúc, nổi cộm và nhạy cảm trong công tác bảo đảm chất lượng ATTP, huy động đa dạng

các kênh thông tin truyền thông để dễ dàng tiếp cận đến các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng. Nội dung tuyên truyền phải chính xác, kịp thời, rõ ràng, đơn giản, thiết thực; phù hợp với truyền thống, văn hóa, bản sắc dân tộc, tôn giáo, đạo đức xã hội, tín ngưỡng và phong tục tập quán; phù hợp với từng loại đối tượng được tuyên truyền....

Trong QLNN về ATTP pháp luật quy định trách nhiệm của UBND là “*Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, truyền thông, nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm, ý thức chấp hành pháp luật về quản lý an toàn thực phẩm, ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng, ý thức của người tiêu dùng thực phẩm*”. Sở Y tế đóng vai trò tham mưu, giúp UBND xây dựng kế hoạch và tiến hành triển khai công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về ATTP trên địa bàn. Để thực hiện nhiệm vụ hàng năm UBND phân bổ kinh phí trong chương trình mục tiêu quốc gia về ATTP cho Sở Y tế đối với dự án Thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng VSATTP.

1.4. Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành trực thuộc trung ương

So với Pháp lệnh An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2003, Luật an toàn thực phẩm năm 2010 đã quy định cụ thể hơn việc phân định rõ ràng phạm vi QLNN trong quản lý ATTP giữa Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn và Bộ Công thương và quy định trách nhiệm QLNN về ATTP của UBND các cấp. Theo đó, Bộ Y tế chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện QLNN về ATTP nên Bộ Y tế có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các bộ khác khi cần thiết.

Theo đó, UBND cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm: Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật địa phương; xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng, cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn để bảo đảm việc quản lý được thực hiện trong toàn bộ chuỗi cung cấp thực phẩm; chịu trách nhiệm quản

lý an toàn thực phẩm trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, ATTP tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng theo phân cấp quản lý; báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác quản lý ATTP trên địa bàn; bố trí nguồn lực, tổ chức bồi dưỡng nâng cao chất lượng nhân lực cho công tác bảo đảm ATTP trên địa bàn; tổ chức tuyên truyền, giáo dục, truyền thông, nâng cao nhận thức về ATTP, ý thức chấp hành pháp luật về quản lý ATTP, ý thức trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đối với cộng đồng, ý thức của người tiêu dùng thực phẩm; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về ATTP trên địa bàn quản lý.

UBND cấp Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương là chủ thể của QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế tại địa phương. Trong đó, để giúp thực hiện công tác này UBND có các cơ quan tham mưu thực hiện chức năng quản lý tại địa phương là Sở Y tế và chịu trách nhiệm trước UBND trong công tác QLNN về ATTP. Những nhiệm vụ được giao trong công tác QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế tại UBND theo quy định hiện nay bao gồm:

Một là, Thực hiện Tổ chức tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP; xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh các loại hình sản phẩm theo phân cấp của Bộ Y tế;

Hai là, Quản lý ATTP trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, an toàn thực phẩm tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng theo phân cấp quản lý;

Ba là, Thanh tra, kiểm tra sản phẩm và các cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng trên địa bàn theo phân cấp của Bộ Y tế; cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, thức ăn đường phố;

Bốn là, Định kỳ hằng năm tổ chức kiểm tra tình hình ATTP trên địa bàn; là đầu mối giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm trên địa bàn;

Ngoài thẩm quyền được giao của ngành y tế trong công tác QLNN về ATTP, bên cạnh trách nhiệm cụ thể còn là đầu mối thường trực Ban chỉ đạo liên ngành về ATTP tại địa phương; đầu mối báo cáo, tổng hợp tình hình ATTP tại địa phương và chủ trì phối hợp với các Sở chuyên ngành tổ chức thực hiện thanh tra, kiểm tra đột xuất đối với toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của các ngành khác khi có chỉ đạo cấp trên.

1.5. Yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

Yếu tố con người (yếu tố xã hội): Mọi tổ chức đều do con người nắm giữ, điều khiển, chi phối nhằm bảo đảm thực hiện nhiệm vụ, đạt mục tiêu chung của tổ chức. Vì vậy con người quyết định sự thành công hay thất bại của chính họ và tổ chức đó. Do đó, để quản lý tốt vấn đề ATTP nhà quản lý phải luôn tự hoàn thiện mình để có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực hoàn thành nhiệm vụ quản lý. Bên cạnh đó, cần phải có những chính sách nhằm phát huy tối đa được các tiềm lực vốn có của các đối tượng quản lý mà ở đây là các nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng nhằm đạt mục đích cuối cùng là nhà sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, sản phẩm thực phẩm làm ra an toàn, chất lượng góp phần tăng trưởng kinh tế xã hội và người tiêu dùng biết lựa chọn, sử dụng thực phẩm một cách thông minh vì xã hội, gia đình và bản thân.

Yếu tố chính trị: là yếu tố lãnh đạo, định hướng toàn xã hội. Chế độ chính trị quy định mục tiêu của quốc gia và chi phối đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Trong công tác quản lý về ATTP hiện nay, Đảng đề ra các nghị quyết, đường lối, chủ trương, chính sách, nhiệm vụ cho QLNN về ATTP và căn cứ vào đó Nhà nước ban hành hệ thống văn bản pháp luật nhằm đưa hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng thực phẩm vào khuôn khổ quản lý.

Yếu tố tổ chức: Đây là yếu tố quan trọng trong công tác quản lý. Trong việc quản lý ATTP, cơ quan QLNN được giao nhiệm vụ cần thiết lập hệ thống tổ chức

với đội ngũ con người tương ứng với thực tiễn quản lý. Việc cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý ATTP trong điều kiện hiện nay đang là vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý. Mô hình quản lý hiện nay tuy đạt được những kết quả nhất định nhưng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế xã hội dẫn tới bất cập như công kênh về tổ chức, chồng chéo trong quản lý và thiếu một cơ chế phối hợp hiệu quả. Các tiêu chuẩn về ATTP dần dần lỗi thời do xuất hiện nhiều dòng sản phẩm thực phẩm mới. Với những thay đổi đó đòi hỏi cơ quan quản lý phải thay đổi, thiết lập lại các bộ phận, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ cho từng bộ phận. Do đó hiện nay, Thành phố Hồ Chí Minh đi tiên phong trong việc thí điểm xây dựng mô hình quản lý mới về ATTP đó là giao chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn QLNN về ATTP cho một cơ quan quản lý đó là Ban An toàn thực phẩm trực tiếp quản lý thực phẩm trên địa bàn Thành phố, hứa hẹn sẽ là mô hình quản lý phù hợp trong điều kiện hiện nay.

Yếu tố quyền lực: Trong quản lý, quyền lực được coi là phương tiện để chủ thể tác động đến đối tượng quản lý nhằm đạt mục tiêu đã đề ra. Cơ quan QLNN được xác định thẩm quyền theo luật định, với thẩm quyền của mình cơ quan QLNN về ATTP tác động trực tiếp lên toàn bộ đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng để hướng tới việc chăm sóc sức khỏe nhân dân, buộc các đối tượng trên phải thực hiện theo khuôn khổ pháp luật. Song song với đó, cơ quan quản lý phải tự xây dựng và củng cố uy quyền của mình thông qua việc hoàn thiện bản thân về năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị và phẩm chất đạo đức, có như vậy mới bảo đảm việc thực hiện yếu tố quyền lực có hiệu quả trên thực tiễn.

Yếu tố thông tin: Để quản lý hiệu quả công tác ATTP các nhà quản lý cần phải nắm được tình hình, thực trạng vấn đề thực phẩm chính xác kịp thời muốn vậy phải có thông tin từ tất cả các nguồn như xã hội, đối tượng quản lý và từ quốc tế. Nhà quản lý về ATTP đưa ra thông tin điều khiển dưới các quyết định quản lý như: mệnh lệnh, chỉ thị, quyết định... kèm theo đó là bảo đảm vật chất để đối tượng quản lý có thể thực hiện. Đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm và người tiêu dùng muốn định hướng các hoạt động của mình trong việc bảo đảm ATTP phải tiếp nhận

thông tin điều khiển, định hướng của nhà quản lý cùng với bảo đảm vật chất để chọn cách xử sự và điều chỉnh bản thân nhằm thực hiện chính xác mệnh lệnh quản lý. Do đó thông tin là yếu tố luôn gắn liền với hoạt động quản lý và là cầu nối giữa nhà quản lý với đối tượng quản lý.

Yếu tố văn hóa xã hội: Đây là yếu tố rất quan trọng, ảnh hưởng đến vấn đề bảo đảm ATTP. Truyền thống sản xuất, kinh doanh, sử dụng thực phẩm từ quá khứ cũng ảnh hưởng ít nhiều đến công tác quản lý về ATTP như việc kinh doanh hàng rong nhỏ lẻ, các chợ truyền thống, sản xuất theo kinh nghiệm truyền từ ông bà... Các loại hình sản xuất, kinh doanh kể trên trong thời đại phát triển ngày nay một số vẫn còn mang những nét đặc trưng, góp phần vào sự đa dạng nền văn hóa tuy nhiên với góc độ ATTP và bảo đảm sức khỏe của người dân hiện nay thì một số đã trở thành thách thức cho nhà quản lý.

Ngoài ra, một yếu tố khác là do việc nhận thức của xã hội về ATTP chưa cao. Người tiêu dùng không thấy được mức độ nguy hiểm của các loại thực phẩm không đủ tiêu chuẩn và vẫn sử dụng các loại thực phẩm này do giá rẻ, thuận tiện do đó đã tạo điều kiện cho các cơ sở sản xuất thực phẩm kém chất lượng, sử dụng nhiều chất bảo quản, phụ gia điều này gây ra các mối nguy ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Văn hóa xã hội có thể được thay đổi theo thời gian, ngày càng được làm giàu thêm và mang lại cho xã hội một bản sắc riêng. Vì vậy, trách nhiệm của các nhà quản lý ATTP là phải xây dựng, duy trì, phát triển nền văn hóa xã hội theo hướng có lợi cho người dân và xã hội.

Một yếu tố quan trọng khác là đối tượng quản lý và hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm của doanh nghiệp. Hiện nay, bên cạnh đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật thì vẫn còn những đối tượng vì nhiều lý do khác nhau đã đưa ra sản phẩm thực phẩm kém chất lượng, không an toàn. Để bảo đảm ATTP, trách nhiệm của doanh nghiệp là phải thực sự quan tâm đến bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Để thực hiện điều này, đòi hỏi doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược, mục tiêu kinh doanh, đạo đức kinh doanh rõ

ràng và xác định văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp từ đó lập kế hoạch triển khai các hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu cuối cùng là đưa đến tay người dân sản phẩm thực phẩm an toàn làm được điều này sẽ góp phần giải quyết vấn đề thực phẩm hiện nay.

Kết luận Chương 1

Ngày nay, với thực trạng ATTP đang ở mức đáng báo động, từ thực tế đó, trong cuộc sống hằng ngày con người phải luôn đối mặt với nhiều áp lực trong đó có việc “ăn gì? uống gì?” để bảo đảm sức khỏe cho bản thân và cho gia đình đang là vấn đề cấp bách cần giải quyết.

Với nội dung Chương 1 phần nào đã làm rõ lý luận cơ bản trong công tác QLNN về ATTP trong giai đoạn hiện nay đồng thời, nêu lên được những yếu tố ảnh hưởng, những nội dung thiết yếu trong công tác quản lý để làm tiền đề cho việc nghiên cứu thực trạng công tác QLNN về ATTP. Việc nắm vững các nội dung cơ bản trong công tác QLNN về ATTP chúng ta sẽ có phân tích, đánh giá thực trạng và có những giải pháp, định hướng cho ngành thực phẩm phát triển một cách hiệu quả, bền vững.

Chương 2

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG LĨNH VỰC Y TẾ TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Tình hình về an toàn thực phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh là một trong 05 Thành phố trực thuộc Trung ương, có diện tích 2.061,4 km² và dân số gần 8.297.500 người [25, tr. 42]. Về mặt hành chính, Thành phố được chia thành 19 Quận và 05 Huyện trong đó có 322 đơn vị hành chính cấp xã bao gồm 259 Phường 58 Xã và 05 Thị trấn. Thành phố Hồ Chí Minh nằm ở miền Nam Việt Nam có tọa độ 10⁰10'-10⁰38' Bắc và 106⁰22'-106⁰54' Đông. Phía Bắc giáp Tỉnh Bình Dương, Tây Bắc giáp Tỉnh Tây Ninh, Đông và Đông Bắc giáp Tỉnh Đồng Nai, Đông Nam giáp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Tây và Tây Nam giáp Tỉnh Long An và Tiền Giang. Với vị trí tâm điểm của khu vực Đông Nam Á, Thành phố Hồ Chí Minh là một đầu mối giao thông quan trọng cả đường bộ, đường thủy và đường không nối liền các tỉnh trong vùng và còn là một cửa ngõ quốc tế.

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi, Thành phố Hồ Chí Minh đã trở thành một trung tâm lớn về kinh tế, văn hóa, xã hội, là đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế đồng thời cũng là đầu mối lưu thông và tiêu thụ một lượng lớn thực phẩm sản xuất trong nước và nhập khẩu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân Thành phố. Theo báo cáo của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh năm 2016, Thành phố có 60.045 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành Y tế. Trong đó, sản xuất, chế biến là 3.690 cơ sở, kinh doanh thực phẩm là 6.782 cơ sở và 49.573 dịch vụ ăn uống.

ATTP là vấn đề đang được quan tâm của các quốc gia trên thế giới và là mục tiêu cấp bách và lâu dài, đòi hỏi sự nỗ lực phối hợp của toàn xã hội. Năm 2010, Việt Nam ban hành Luật An toàn thực phẩm, sau đó các nghị định, thông tư hướng dẫn cũng đã được ban hành để đáp ứng nhu cầu quản lý. Tuy nhiên, vấn đề đảm bảo ATTP là một thách thức rất lớn đối với Thành phố Hồ Chí Minh do nhịp độ phát triển kinh tế nhanh, dân số đông, tình trạng di dân thường xuyên và nhu cầu tiêu thụ

thực phẩm rất lớn. Theo thống kê mỗi ngày, Thành phố cần 1.000-1.200 tấn thịt, trong đó heo khoảng 8.000-10.000 con, trâu và bò 800-900 con và gia cầm 100.000-120.000 con. Ngoài ra, thực phẩm đông lạnh nhập khẩu khoảng 264.000 tấn/năm, chưa kể nhu cầu tiêu thụ rau của người dân Thành phố lên đến 1 triệu tấn/năm và khoảng 170.000 tấn thủy sản/năm.

Thành phố Hồ Chí Minh hiện đang có khoảng 233 chợ truyền thống chuyên kinh doanh hàng thực phẩm ăn uống, bên cạnh đó còn có 03 chợ đầu mối lớn chuyên tiếp nhận khoảng 80% các nguồn thực phẩm từ các địa phương về hàng ngày. Hiện thực phẩm sản xuất tại Thành phố chỉ đáp ứng được khoảng 20% đến 30% nhu cầu thực phẩm của người dân, phần còn lại phải nhập thông qua nhiều nguồn, vì vậy việc quản lý và truy xuất nguồn gốc khi có sự cố về ATTP đang gặp nhiều khó khăn.

Trong những năm qua, công tác QLNN về ATTP của Thành phố đã có nhiều chuyển biến tích cực song dù đã hết sức nỗ lực tuyên truyền, vận động, tập huấn cho các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm, tăng cường các biện pháp quản lý, truy xuất nguồn gốc nhưng vẫn chưa đảm bảo chắc chắn thực phẩm đều an toàn. Ngoài ra, việc thanh tra, kiểm tra ATTP của Thành phố vẫn còn những kẽ hở như các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm lớn, uy tín mỗi năm bị thanh tra, kiểm tra nhiều lần, trong khi những cơ sở nhỏ lẻ với những bất an về ATTP thì rất ít hoặc không bị kiểm tra.

Việc sử dụng hóa chất, phụ gia trong thực phẩm vẫn còn tồn tại. Qua công tác thanh tra, kiểm tra các cơ quan chức năng phát hiện không ít trường hợp dùng chất bảo quản, phụ gia không được phép sử dụng trong thực phẩm, không rõ nguồn gốc trong bảo quản, sơ chế, chế biến thực phẩm ví dụ như: chất Auramine O (vàng O) trong măng, thịt heo chứa chất tạo nạc, phẩm màu trong ruốc...điều này ảnh hưởng đến sức khỏe và niềm tin của người tiêu dùng.

Với thực trạng về ATTP nêu trên, Thành phố đã chủ động xin cơ chế riêng để QLNN về ATTP theo hướng quản lý tập trung. Từ đầu năm 2017, theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trách nhiệm bảo đảm ATTP cho xã hội được quy về

một cơ quan là Ban Quản lý An toàn thực phẩm. Cụ thể, Ban Quản lý An toàn thực phẩm được lập trên cơ sở tổ chức lại Chi Cục An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế và một số bộ phận trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và Sở Công Thương. Ban Quản lý An toàn thực phẩm hiện nay thuộc quản lý của UBND Thành phố Hồ Chí Minh và mô hình này được thí điểm trong 03 năm.

2.2. Thực trạng quy định pháp luật về an toàn thực phẩm

Văn bản quy phạm pháp luật quy định về ATTP hiện nay liên tục được các cơ quan có thẩm quyền bổ sung, ban hành mới nhằm phù hợp với xu hướng phát triển ngày càng đa dạng của lĩnh vực thực phẩm. Từ khi Quốc hội thông qua Luật An toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010, Chính phủ, các Bộ, Ngành có liên quan đã ban hành các văn bản pháp luật quy định liên quan về ATTP bao gồm: Chính phủ đã ban hành 15 Nghị định, Bộ Y tế đã ban hành 16 Thông tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành 10 Thông tư, Bộ Công thương đã ban hành 06 Thông tư và bên cạnh đó 02 Thông tư liên tịch giữa Bộ Y tế, Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về ATTP (Phụ lục 1).

2.3. Thực trạng hoạt động quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Thực trạng hoạch định chính sách và triển khai các chương trình bảo đảm an toàn thực phẩm

ATTP là một trong những vấn đề mà Thành phố từ lâu đã đặc biệt quan tâm và xem đây là vấn đề có ý nghĩa lớn đối với kinh tế - xã hội. Để cụ thể hóa Chỉ thị số 08-CT/TW ngày 21 tháng 10 năm 2011 của Ban bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề ATTP trong tình hình mới. Trong giai đoạn từ 2012 đến 2016, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành 42 văn bản như Nghị quyết, Quyết định và Chỉ thị nhằm chỉ đạo, điều hành công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn, trong đó Văn phòng Thành ủy ban hành 02 Nghị quyết, Hội đồng Nhân dân Thành phố ban hành 12 Nghị quyết, UBND Thành phố ban hành 08 Chỉ thị, 13 Quyết định (Phụ lục 2). Song song với đó, UBND Thành phố đã ban hành 111 văn bản triển khai, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác đảm bảo ATTP bao gồm: 13 kế

hoạch, 71 công văn, 19 quyết định và 08 thông báo về tăng cường các giải pháp nhằm đảm bảo ATTP trên địa bàn Thành phố.

Ngoài ra, bên cạnh 06 dự án Chương trình mục tiêu quốc gia về ATTP giai đoạn 2012 – 2015, UBND Thành phố đã phê duyệt các Chương trình, Đề án trọng điểm bảo đảm ATTP trên địa bàn như sau:

- Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn trên địa bàn Thành phố đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025 (Quyết định số 1494/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2013 của UBND Thành phố). Trong đó, xây dựng Chương trình Mục tiêu phát triển rau an toàn trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2011 – 2015, Chương trình Mục tiêu phát triển rau an toàn trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016 – 2020. Đến nay, tổng số đơn vị sản xuất rau, quả trên địa bàn Thành phố đã được chứng nhận VietGAP là 836 tổ chức, cá nhân với tổng diện tích 544,12 ha, tương đương 3.109,37 ha diện tích gieo trồng, sản lượng dự kiến 61.710 tấn/năm;

- Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của UBND Thành phố). Triển khai Chương trình Mục tiêu phát triển giống cây, giống con chất lượng cao trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2020;

- Đề án Phát triển sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP tại các xã nông thôn mới: từ năm 2011 đến nay đã xây dựng 178 mô hình có diện tích 741,3 ha với 2.106 hộ tham gia, bao gồm: các mô hình sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, cánh đồng rau theo tiêu chuẩn VietGAP, sản xuất rau theo hướng hữu cơ sinh học, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa nhằm nâng cao giá trị sản xuất; Các mô hình sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP đã làm giảm chi phí thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, giống bình quân 30 triệu đồng/ha/năm. Trên cơ sở kết quả đạt được từ các mô hình theo tiêu chuẩn VietGAP có sự hỗ trợ từ nhà nước, bà con nông dân tự nhân rộng cho các chủng loại rau khác và duy trì, mở rộng việc sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP;

- Chương trình Gắn kết thu mua sản phẩm, xây dựng và mở rộng các mô hình sản xuất theo quy trình thực hiện chăn nuôi tốt;

- Chương trình Kiểm soát dư lượng hóa chất, kháng sinh cấm sử dụng trong chăn nuôi tôm ở huyện Cần Giờ và huyện Nhà Bè;
- Chương trình Bình ổn thị trường các mặt hàng lương thực, thực phẩm thiết yếu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh các năm;
- Chương trình Kết nối cung - cầu hàng hóa với các Tỉnh Đông - Tây Nam Bộ;
- Dự án Mô hình chợ thí điểm bảo đảm ATTP trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 - 2020. Trong đó triển khai Đề án Quản lý, nhận diện và truy xuất nguồn gốc thịt heo.

Việc hoạch định chính sách, triển khai các chương trình ATTP tại Thành phố Hồ Chí Minh đã đáp ứng kịp thời, đầy đủ các chương trình, chỉ đạo của Trung ương trong công tác QLNN về ATTP. Qua báo cáo cho thấy việc triển khai các chương trình, kế hoạch về ATTP của Thành phố giai đoạn từ năm 2012 đến 2016 cơ bản đạt mục tiêu theo Quyết định 1228/QĐ-TTg ngày 07 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng chính phủ, Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm giai đoạn 2012 - 2015 cụ thể:

Thứ nhất, Chương trình Nâng cao năng lực quản lý chất lượng VSATTP. Kết quả hoàn thiện cơ sở vật chất cho Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố tại địa chỉ số 18, đường Cách mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1; đạt 98% lượt cán bộ làm công tác quản lý, thanh tra ATTP được bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và năng lực quản lý về VSATTP; 75% cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về VSATTP.

Thứ hai, Chương trình Thông tin giáo dục truyền thông đảm bảo chất lượng VSATTP. Kết quả 77% người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, 100% người quản lý, 70% người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về ATTP.

Thứ ba, Chương trình Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm chất lượng VSATTP. Kết quả 100% số phòng kiểm nghiệm Thành phố có khả năng thực hiện được việc kiểm nghiệm các chỉ tiêu thông thường đánh giá VSATTP. Hiện Thành phố có 15 đơn vị tham gia kiểm nghiệm chất lượng có khả năng thực hiện

được việc kiểm nghiệm các chỉ tiêu khó, kỹ thuật cao, trong đó, 08 đơn vị kiểm nghiệm nhà nước và 07 đơn vị kiểm nghiệm tư nhân.

Thứ tư, Chương trình Phòng chống NĐTP và các bệnh truyền qua thực phẩm. Kết quả 100% cán bộ làm công tác điều tra, giám sát NĐTP tuyến Thành phố, tuyến Huyện và tuyến Xã, Phường được tập huấn về phương pháp, kỹ năng giám sát điều tra NĐTP. Trung bình từ năm 2012 đến 2016 số vụ NĐTP trên địa bàn Thành phố là 5,2 vụ giảm 35% các vụ NĐTP trên 30 người mắc so với năm 2011; với tổng số 21/26 vụ NĐTP đã được kết luận nguyên nhân ngộ độc (Bảng 2.1).

Với những kết quả nêu trên có thể thấy vẫn còn chỉ tiêu 80% cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về VSATTP là chưa đạt so với kế hoạch chương trình đề ra (thực tế chỉ đạt 75%) nguyên nhân bắt nguồn từ ý thức tuân thủ pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chưa cao. Bên cạnh đó công tác tuyên truyền về ATTP trong thời gian qua chưa hiệu quả, cụ thể những kênh thông tin đại chúng có lượng theo dõi cao như truyền hình chưa được phát huy mạnh (trong 05 năm qua chỉ có 30 phóng sự, tọa đàm về ATTP trên truyền hình).

Trung bình các vụ NĐTP trên 30 người mắc và số người bị NĐTP trong giai đoạn năm 2012 đến 2016 có giảm so với năm 2011 tuy nhiên trong từng năm thì việc tăng giảm không ổn định tức là có giảm và có tăng qua từng năm (Bảng 2.1).

Bảng 2.1: Thống kê NĐTP tại Thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Số vụ NĐTP (vụ >30 người mắc)	Số người mắc (người)	Nguyên nhân (vụ)		
			Vi sinh	Hoá chất, độc tố tự nhiên	Chưa rõ nguyên nhân
2011	8	850	5	3	0
2012	6	615	3	2	1
2013	3	184	2	1	0
2014	5	428	2	1	2

2015	6	268	2	2	2
2016	6	512	6	0	0

Nguồn: Báo cáo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố

Từ năm 2012 đến 2016 nguồn kinh phí để thực hiện các chương trình về ATTP tại Thành phố là 38.227.370.000 đồng trong đó phân cho Sở Y tế thực hiện các chương trình bảo đảm ATTP do ngành quản lý là 14.395.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế kinh phí cho các chương trình của ngành y tế được quyết toán trong các năm qua là 12.635.488.827 đồng, một con số còn quá ít so với quy mô của một Thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh (Bảng 2.2). Kinh phí cho các hoạt động QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế tại Thành phố có tăng qua mỗi năm tuy nhiên, tăng chủ yếu là nguồn kinh phí phục vụ cho bộ máy quản lý hành chính (chi trả lương, các hoạt động quản lý, mua sắm trang thiết bị...), trong khi đó nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia về ATTP có xu hướng giảm qua các năm và thường cấp rất trễ (có năm đến tháng 9 mới được cấp) dẫn đến khó khăn trong việc triển khai các hoạt động trên địa bàn do dân số và số cơ sở hoạt động trong lĩnh vực thực phẩm có xu hướng tăng liên tục.

Nếu so sánh với các Tỉnh, Thành phố lân cận trong khu vực phía Nam có thể thấy, với tổng kinh phí thực hiện chương trình quốc gia về ATTP tại Thành phố Hồ Chí Minh như hiện nay là chưa tương xứng với quy mô của Thành phố. Đơn cử nguồn kinh phí này trong 05 năm qua của Cà Mau là 22,8 tỷ đồng, Long An là trên 21 tỷ đồng, Bạc Liêu là 13,2 tỷ đồng và Cần Thơ là 9,8 tỷ đồng.

Qua kết quả nêu trên cho thấy sự hoạch định, triển khai các chương trình bảo đảm ATTP thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế có sự đầu tư, nghiên cứu kỹ lưỡng từ thực trạng của vấn đề ATTP, thực trạng nền kinh tế - xã hội của Thành phố và sự đầu tư về cơ sở vật chất, kinh phí, con người cho công tác ATTP. Tuy nhiên, công tác hoạch định, triển khai chính sách, kế hoạch ATTP thuộc phạm vi trách nhiệm của ngành y tế Thành phố vẫn còn một số khó khăn cụ thể triển khai các dự án Chương trình mục tiêu quốc gia còn chậm. Sự chậm trễ đó bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là nguồn kinh phí của chương trình phân bổ

đến địa phương còn chậm, chưa thu hút được nguồn vốn từ các nguồn hỗ trợ bên ngoài (từ năm 2012 đến 2015, đóng góp của tổ chức cá nhân là 34.500.000 đồng). Sự gia tăng về dân số dẫn đến gia tăng các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn (Theo báo cáo thống kê Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố các cơ sở dịch vụ ăn uống trên địa bàn tăng từ 45.884 năm 2012 lên 49.573 cơ sở năm 2016) trong khi đó biên chế về nhân sự trong bộ máy quản lý nhà nước về ATTP Thành phố trong lĩnh vực y tế những năm qua thay đổi không nhiều (năm 2012 số biên chế chuyên trách ATTP là 182 biên chế đến năm 2016 tăng lên 213 biên chế).

Bảng 2.2: Kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia về VSATTP

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chương trình, dự án	Nâng cao năng lực quản lý chất lượng VSATTP		Thông tin giáo dục truyền thông		Tăng cường năng lực hệ thống kiểm nghiệm		Phòng chống NDTP và các bệnh truyền qua thực phẩm	
	KPTW	KPTP	KPTW	KPTP	KPTW	KPTP	KPTW	KPTP
Năm 2012	1300	425	900	1073	300	0	870	498
Năm 2013	490	500	550	600	350	0	870	300
Năm 2014	238	500	280	600	60	0	348	300
Năm 2015	272	500	430	500	70	0	343	300
Năm 2016							328	300

Nguồn: Báo cáo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thành phố

2.3.2. Thực trạng tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và các chính sách về sản xuất, kinh doanh thực phẩm

2.3.2.1. Chứng nhận đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm

Thực hiện quy định của ngành y tế tại Thông tư số 26/2012/TT-BYT ngày 30 tháng 11 năm 2012 quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm; nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai; dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; Thông tư số 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn quản lý ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống; Công văn số 1745/ATTP-NĐ ngày 28 tháng 7 năm 2015 và Công văn số 6093/ATTP-NĐ ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Cục An toàn thực phẩm về hướng dẫn quản lý điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn đối với các cơ sở không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP. Trong giai đoạn từ năm 2012 đến 2016, Thành phố đã tiến hành thẩm định điều kiện và cấp 17.148 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế (Bảng 2.3).

Bên cạnh đó, để quản lý nhóm đối tượng không thuộc diện cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật UBND Quận, Huyện và Chi cục ATVSTP đã triển khai hoạt động truyền thông, ký cam kết với cơ quan nhà nước về việc chấp hành các quy định pháp luật về ATTP đối với các bếp ăn tập thể trong trường học các cấp, trong các công ty, xí nghiệp trên địa bàn Thành phố với tổng số là 5.544 cơ sở.

Ngoài ra, Sở Y tế còn phối hợp với Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành thẩm định và cấp 2.302 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với chuỗi sản phẩm thực vật, 339 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với chuỗi sản phẩm động vật.

Với kết quả đạt được trong cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy sự vượt trội của Thành phố đối với các Tỉnh, Thành phố lân cận trong khu vực. Cụ thể số cơ sở được cấp giấy

chứng nhận đủ điều kiện ATTP từ năm 2012 đến 2016 tại Kiên Giang là 5.345, Đồng Tháp là 3.722, Long An là 2.366 và Cần Thơ là 2.052 cơ sở. Cho thấy quy mô, mật độ quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác QLNN về ATTP hiện nay là vô cùng lớn.

Việc thực hiện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong lĩnh vực y tế hiện nay tại Thành phố để có những kết quả nêu trên xuất phát từ hoạt động tích cực của bộ máy quản lý do đây là một nhiệm vụ tốn rất nhiều nhân sự, thời gian trong việc tiếp nhận, thẩm định điều kiện vì không phải cơ sở nào cũng đạt điều kiện ngay lần đầu thẩm định và thường phải thẩm định nhiều lần.

Bảng 2.3: Bảng cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện VSATTP

STT	Loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm	Số giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP
1	Dịch vụ ăn uống	14.105
2	Sản xuất, chế biến thực phẩm, bao bì thực phẩm	2.099
	- Nước uống đóng chai, bình	1.047
	- Nước đá	279
	- Phụ gia thực phẩm	52
	- TPCN, thực phẩm bổ sung (nhỏ lẻ)	146
	- Bao bì thực phẩm	224
	- Suất ăn sẵn, suất ăn công nghiệp	351
3	Kinh doanh thực phẩm	944

Nguồn: Báo cáo Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm

2.3.2.2. Công bố hợp quy, công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm

Theo quy định, thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, vật liệu bao gói, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm đã có quy chuẩn phải được công bố hợp quy, sản phẩm chưa có quy chuẩn kỹ thuật phải được công bố phù hợp quy định ATTP trước khi đưa ra lưu thông trên thị trường. Kết quả:

- Năm 2012 thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm theo Quyết định số 42/2005/QĐ-BYT ngày 8 tháng 12 năm 2005 của Bộ Y tế về quy chế công bố tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm. Ngành y tế Thành phố đã cấp mới 4.431 và gia hạn 656 Giấy chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm.

- Từ năm 2013 đến năm 2016, thực hiện theo Thông tư số 19/2012/TT-BYT ngày 09 tháng 11 năm 2012 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP. Ngành y tế Thành phố đã cấp 2.275 Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và cấp 20.135 Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định ATTP.

Tính đến hết năm 2016, Bộ Y tế đã ban hành 56 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm, với kết quả nêu trên có thể thấy hiện nay việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật về thực phẩm vẫn chưa đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của xã hội. Hầu hết các sản phẩm thực phẩm mà các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện công bố đều tự mình đưa ra các tiêu chuẩn cơ sở từ đó các cơ quan quản lý nhà nước xem xét, đối chiếu các quy định của pháp luật về sản phẩm đó hoặc thành phần có trong sản phẩm để xác nhận và cấp giấy công bố tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm.

2.3.2.3. Truyền thông và quảng cáo

Hiện nay, do sự phát triển mạnh của các kênh truyền thông nên để sản phẩm thực phẩm được người tiêu dùng biết đến các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thực hiện đăng quảng cáo, in ấn nội dung giới thiệu sản phẩm của mình trên các phương tiện quảng cáo. Để quản lý nội dung này, Nhà nước đã quy định các tổ chức, cá nhân có thực phẩm quảng cáo chỉ được tiến hành quảng cáo khi đã được thẩm định nội dung và chỉ được quảng cáo đúng nội dung đã được xác nhận.

Trong những năm qua, Sở Y tế đã tiếp nhận và cấp 376 Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm, đồng thời cấp 42 Giấy xác nhận đăng ký nội dung hội thảo, giới thiệu sản phẩm. Bên cạnh đó, Sở Y tế tiến hành kiểm tra các nội dung quảng cáo thực phẩm và đã xử phạt vi phạm hành chính 90 cơ sở sai phạm về hoạt động quảng cáo trong 05 năm qua. Việc quản lý hoạt động quảng cáo thực phẩm đã phần nào giảm thiểu các sai phạm trong hoạt động quảng cáo thực phẩm hiện nay,

giúp người dân tiếp cận được các thông tin chính xác góp phần trong việc lựa chọn thực phẩm an toàn, chất lượng.

2.3.2.4. Phân tích và đánh giá nguy cơ về an toàn thực phẩm

Đây là một điểm mới của Luật An toàn thực phẩm năm 2010 so với Pháp lệnh An toàn vệ sinh thực phẩm năm 2003. Trong những năm qua, Ngành Y tế đã tiến hành lấy 9.040 mẫu theo cảnh báo và các sản phẩm thực phẩm nguy cơ gây mất ATTP cho người tiêu dùng như: rau củ quả, các sản phẩm từ rau, củ, quả, thịt, các sản phẩm từ thịt, trứng, sữa, kem, cà phê, nước ép trái cây, nước giải khát, các sản phẩm mứt Tết,... Các sản phẩm nêu trên được lấy mẫu ngẫu nhiên tại các chợ, siêu thị, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả kiểm nghiệm có 1.659/6.511 mẫu không đạt vi sinh (tỷ lệ 25,48%), 718/3.530 mẫu không đạt hóa lý (tỷ lệ 20,3%). Trong đó, tỷ lệ sản phẩm thực phẩm không đạt chỉ tiêu vi sinh trên 50% tập trung vào các nhóm sản phẩm nguy cơ cao như: kem (67,5%), nước đá (86,5%), nước uống đóng chai, bình (55%) và đồ uống, nước giải khác có gas (56,2%). Đối với các nhóm nước uống đóng chai, bình và thực phẩm chức năng thì kết quả kiểm nghiệm có tỷ lệ không đạt chỉ tiêu chất lượng như đã công bố lần lượt là 95% và 46,5% (chất lượng sản phẩm không bảo đảm như công bố ban đầu của nhà sản xuất và thường là chất lượng kém hơn). Bên cạnh đó các sản phẩm thực phẩm có kết quả xét nghiệm tồn dư hóa chất vượt giới hạn cho phép chiếm tỷ lệ cao tập trung vào các nhóm sản phẩm mứt, xì muối (15/54 mẫu chiếm tỷ lệ 27,8%) và dầu (52/240 mẫu chiếm tỷ lệ 21,7%). (Phụ lục 5)

Thông qua hoạt động trên cho thấy việc giám sát chất lượng thực phẩm trong công tác QLNN rất quan trọng, cần phải được duy trì và tăng cường. Các kết quả phân tích trong những năm qua giúp cơ quan quản lý có được thông tin về chất lượng thực phẩm qua đó có biện pháp xử lý phù hợp, kịp thời và người tiêu dùng có được thông tin đáng tin cậy để góp phần vào sự lựa chọn thực phẩm của mình sao cho phù hợp với điều kiện, mục đích đề ra.

2.3.3. Thực trạng thông tin, báo cáo công tác an toàn thực phẩm

Thực hiện Quyết định Số 01/2006/QĐ-BYT ngày 09 tháng 01 năm 2006 về việc ban hành “quy định chế độ báo cáo và mẫu báo cáo về vệ sinh an toàn thực

phẩm”. Sở Y tế tham mưu UBND kịp thời tổng hợp báo cáo Báo cáo Tháng hành động vì chất lượng VSATTP, Báo cáo định kỳ công tác VSATTP và báo cáo các vụ ngộ độc thực phẩm trên địa bàn Thành phố. Từ năm 2012 – 2016 Sở Y tế và đơn vị trực thuộc tổng hợp, ban hành 15 báo cáo công tác VSATTP định kỳ 6 tháng, năm; 26 báo cáo đột xuất về NĐTP trên địa bàn. Ngoài ra, còn thực hiện tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên phục vụ cho công tác QLNN. Kết quả hoạt động QLNN về ATTP trên địa bàn Thành phố luôn được tổng hợp và báo cáo kịp thời đến các cơ quan QLNN cấp trên và thông tin rộng rãi đến người dân về thực trạng ATTP tại Thành phố.

Qua chế độ thông tin, báo cáo về ATTP đã góp phần rất lớn cho công tác QLNN. Với đặc thù là một Thành phố lớn với đa dạng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm nên việc tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động QLNN về ATTP và những kiến nghị, đề xuất giải pháp của Thành phố đã góp phần rất lớn vào việc ban hành các chính sách, pháp luật về ATTP của Nhà nước. Bên cạnh đó, người dân có một kênh thông tin đáng tin cậy trong việc lựa chọn, sử dụng thực phẩm tiết kiệm và bảo đảm an toàn cho sức khoẻ.

Tuy nhiên một hạn chế hiện nay trong công tác thông tin, báo cáo về ATTP là việc truyền tải nội dung đến với người dân còn hạn chế, chủ yếu thông qua các kênh hành chính và trên website của cơ quan QLNN.

2.3.4. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý, đào tạo cán bộ thực thi công vụ

Tổ chức bộ máy tham mưu công tác QLNN về ATTP của Thành phố hiện nay gồm Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công Thương, trong đó Sở Y tế là Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành về Vệ sinh an toàn thực phẩm Thành phố. Bên cạnh đó Sở Y tế có trách nhiệm trong việc tổ chức tập huấn nghiệp vụ quản lý, thanh tra, kiểm tra ATTP cho các Phòng Y tế và Trung tâm Y tế dự phòng 24 Quận, Huyện. Bộ máy QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế của Thành phố hiện nay như sau:

Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh là cơ quan chuyên môn thuộc UBND Thành phố có chức năng tham mưu, giúp UBND thực hiện chức năng QLNN về

chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân gồm: y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh; phục hồi chức năng; y dược cổ truyền; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh cho người; mỹ phẩm; an toàn vệ sinh thực phẩm; trang thiết bị y tế; dân số; bảo hiểm y tế và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân cấp, ủy quyền của UBND Thành phố và theo quy định của pháp luật. Cơ cấu thực hiện tổ chức bộ máy quản lý bao gồm: Giám đốc, 03 Phó giám đốc và 07 phòng ban chức năng (Văn phòng, Thanh tra, Nghiệp vụ Dược, Nghiệp vụ Y, Quản lý Dịch vụ y tế, Tổ chức cán bộ, Kế hoạch – Tài chính), với hơn 200 cán bộ, công chức, người lao động.

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm là đơn vị trực thuộc Sở Y tế, tổng số biên chế của Chi cục là 168 người gồm Chi cục trưởng, 02 Phó Chi cục trưởng và 06 phòng chức năng (Tổ chức - Hành chính; Kế hoạch – Tài chính; Nghiệp vụ; Thông tin - Truyền thông; Quản lý Ngô độc thực phẩm và Thanh tra).

Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm là đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần kinh phí hoạt động trực thuộc Sở Y tế Thành phố, thực hiện việc kiểm nghiệm chất lượng thực phẩm, giám sát chất lượng thực phẩm trên địa bàn Thành phố. Tổng số nhân sự của trung tâm là 60 người gồm Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 06 phòng (Tổ chức - Hành chính, Tin học, Kế hoạch – Tài chính, Kiểm nghiệm Thuốc, Kiểm nghiệm Mỹ phẩm, Kiểm nghiệm Thực phẩm).

Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế Thành phố thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, kỹ thuật về Y tế dự phòng trong bao gồm quản lý, giám sát chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt; xét nghiệm ATTP; dinh dưỡng cộng đồng. Tổng số nhân sự trung tâm là 162 người gồm: Giám đốc, 02 Phó Giám đốc và 08 phòng, ban chức năng.

Theo báo cáo số 211/BC-CP ngày 18/5/2017 của Chính phủ về tình hình thực thi chính sách, pháp luật về quản lý ATTP giai đoạn 2011 - 2016 hiện cả nước có 32 đơn vị kiểm nghiệm chất lượng ATTP đạt chuẩn (bao gồm 23 đơn vị công lập và 09 đơn vị tư nhân). Con số này của Thành phố hiện nay là 15 đơn vị (chiếm 46,9%) tham gia kiểm nghiệm chất lượng ATTP phục vụ doanh nghiệp và các cơ quan QLNN. Đây cũng là một lợi thế góp phần vào việc QLNN về ATTP cho

Thành phố. Các đơn vị tham gia kiểm nghiệm chất lượng ATTP đạt chuẩn tại Thành phố gồm:

- 08 đơn vị kiểm nghiệm nhà nước bao gồm: Viện Y tế công cộng Hồ Chí Minh; Viện Pasteur; Trung tâm Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng 3; Trung tâm Y tế dự phòng Thành phố; Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm; Trung tâm dịch vụ phân tích thí nghiệm Thành phố Hồ Chí Minh; Trạm Chẩn đoán xét nghiệm của Chi cục Thú y và Phòng kiểm nghiệm Chi cục Bảo vệ thực vật của Chi cục Quản lý chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- 07 đơn vị tư nhân gồm: Công ty TNHH giám định Vinacontrol, Công ty TNHH Eurofin Sắc ký Hải Đăng, Công ty cổ phần dịch vụ khoa học Chấn Nam, Trung tâm phân tích kỹ thuật cao Sài Gòn – Công ty TNHH khoa học và công nghệ Sài Gòn, Công ty TNHH SGS Việt Nam, Công ty TNHH dịch vụ khoa học công nghệ Khuê Nam, Công ty TNHH MTV khoa học công nghệ Hoàn Vũ.

Hiện nay Thành phố chưa có cơ quan, tổ chức độc lập để nghiên cứu phục vụ cho công tác dự báo, cảnh báo và kiểm soát các nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm, NĐTP, bệnh truyền qua thực phẩm phục vụ cho QLNN trên địa bàn.

Công tác tổ chức bộ máy quản lý ATTP của Thành phố Hồ Chí Minh so với các Tỉnh, Thành phố khác có thể nói là một thế mạnh của Thành phố vì đây là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của cả nước nên sẽ tập trung được nhiều tổ chức, cơ quan tham gia vào hoạt động quản lý về ATTP như cơ quan xét nghiệm của nhà nước và tư nhân tham gia vào hoạt động này.

2.3.5. Thực trạng kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm

Hoạt động kiểm tra, thanh tra ATTP trong thời gian qua đã được tăng cường, hoạt động trên cả 03 cấp Thành phố, Quận, Huyện và Phường, Xã, Thị trấn qua đó kịp thời phát hiện và xử lý nhiều vụ vi phạm pháp luật về ATTP, đồng thời kiến nghị các biện pháp khắc phục bất cập trong quản lý về ATTP. Các cuộc thanh tra, kiểm tra luôn được triển khai có trọng tâm, trọng điểm như đợt tháng hành động vì ATTP, đợt Tết Trung thu, đợt Tết Nguyên Đán.... Bên cạnh đó, Thành phố còn có

sự phân cấp khá rõ ràng trong công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP cụ thể đoàn kiểm tra, thanh tra cấp Phường, Xã và Thị trấn tập trung chủ yếu các đối tượng kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, hàng rong. Trong khi đó cấp Quận, Huyện tập trung các đối tượng là các hộ kinh doanh, sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý cấp Quận, Huyện và dịch vụ ăn uống (nhà hàng, quán ăn); cấp Thành phố tập trung thanh tra, kiểm tra đối với các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực phẩm với quy mô do Thành phố quản lý là các doanh nghiệp.

Theo số liệu báo cáo của Sở Y tế Thành phố, trong 05 năm qua, lực lượng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành ATTP của ngành y tế đã thành lập 2.020 đoàn kiểm tra về ATTP (Trong đó 1.773 đoàn liên ngành và 247 đoàn chuyên ngành), 112 đoàn thanh tra ATTP chủ yếu tập trung ở cấp Thành phố với 18 đoàn liên ngành và 94 đoàn chuyên ngành (Phụ lục 3, Phụ lục 4). Kết quả cho thấy:

- Tỷ lệ các cơ sở kiểm tra đạt yêu cầu trung bình ở tuyến Xã, Phường, Thị trấn là 62,6%, tuyến Quận, Huyện là 67,9% và tuyến Thành phố là 70,5%. Trong khi đó, với hình thức thanh tra thì tỷ lệ cơ sở đạt yêu cầu trung bình thấp hơn với tỷ lệ là 47,7%.

- Qua hoạt động thanh tra, kiểm tra về ATTP tại Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua có thể thấy được kết quả mang lại trong công tác QLNN về ATTP cụ thể, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngày càng có ý thức tuân thủ pháp luật. Tỷ lệ các cơ sở được kiểm tra, thanh tra kết quả đạt có xu hướng tăng dần theo từng năm (đoàn cấp Thành phố). Tuy nhiên, sự chuyển biến này tập trung nhiều vào các đối tượng có quy mô sản xuất, kinh doanh lớn là các doanh nghiệp. Tỷ lệ các cơ sở được thanh tra có kết quả đạt của cấp Thành phố tăng từ 47% năm 2012 lên 65% năm 2016. Trong khi đó tỷ lệ này đối với kiểm tra là 46% năm 2012 lên 82% năm 2016.

- Hoạt động thanh tra là hoạt động được quy định tại Luật Thanh tra năm 2010 nên luôn bảo đảm sự chính xác, khách quan, kịp thời so với công tác kiểm tra, cụ thể tỷ lệ vi phạm được phát hiện bị xử lý vi phạm hành chính là 44,4% so với 3,9% của kiểm tra. Theo đó, công tác thanh tra đã tiến hành xử lý vi phạm hành

chính 1.525 cơ sở/3.433 cơ sở thanh tra với số tiền phạt 10.832.450.000 đồng, công tác kiểm tra kiến nghị xử lý vi phạm hành chính 8.098 cơ sở/209.503 kiểm tra với tổng số tiền phạt là 37.189.650.000 đồng. Trong khi đó, tỷ lệ phát hiện vi phạm nhưng chỉ chắc nhờ trong công tác kiểm tra ATTP chiếm tỷ cao với 31,9% so và 7,8% đối với thanh tra.

Tổng kết hoạt động thanh tra về ATTP của cấp Thành phố và 01 năm thí điểm thanh tra chuyên ngành ATTP tại các 05 quận, huyện và 10 phường, xã, thị trấn theo Quyết định số 38/2015/QĐ-TTg ngày 09 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành ATTP tại Quận, Huyện, Thị xã và Phường, Xã, Thị trấn của Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (phụ lục 4). Kết quả cho thấy công tác thanh tra luôn mang lại kết quả QLNN cao hơn so với công tác kiểm tra tuy nhiên trong những năm qua việc triển khai đoàn thanh tra vẫn còn ít so với kiểm tra do công tác thanh tra được quy định tại Luật Thanh tra năm 2010 theo đó một cuộc thanh tra đòi hỏi phải tuân theo pháp luật; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời nên trình tự, thủ tục tiến hành phức tạp hơn công tác kiểm tra. Một nguyên nhân nữa là do nhân sự chuyên trách về ATTP tại các tuyến Quận, Huyện còn ít chưa tương xứng với quy mô, thực trạng sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh, trong khi đó tại Phường, Xã chủ yếu là nhân sự kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ nên việc triển khai thanh tra, kiểm tra ở các cấp này chưa thực sự mang lại hiệu quả như cấp Thành phố.

Công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua vượt trội hơn so với công tác ở các Tỉnh, Thành phố lân cận do sự quan tâm của các cấp lãnh đạo và bộ máy, nhân sự, năng lực quản lý ATTP Thành phố ngày càng được nâng cao. Cụ thể số cơ sở vi phạm về ATTP và số tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP tại các Tỉnh, Thành phố lân cận từ năm 2012 đến 2016 là: Cà Mau 10.743 cơ sở, 4.944.700.000 đồng, Long An 8.701 cơ sở, 2.717.500.000 đồng, Bến Tre 7.780 cơ sở, 4.944.700.000 đồng và Cần Thơ là 6.477 cơ sở, 3.718.500.000 đồng.

Qua kết quả hoạt động kiểm tra, thanh tra về ATTP trong lĩnh vực y tế hiện nay tại Thành phố tuy hạn chế về nhân sự và gặp không ít khó khăn do điều kiện tự nhiên nhưng cũng đã góp phần vào việc ổn định lĩnh vực ATTP. Qua đó cho thấy đây là một hoạt động cần phải được đầu tư và quan tâm nhằm điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội theo khuôn khổ pháp luật.

2.3.6. Thực trạng tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm

Bảo đảm ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm hiện nay là không thể thiếu công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật, trong những năm qua, công tác này luôn được Thành phố quan tâm với nguồn kinh phí được cấp là 2.773.000.000 đồng. Sở Y tế đã phối hợp với cơ quan báo chí (Đài truyền hình, đài phát thanh và các báo viết) xây dựng và truyền tải các chuyên mục, tọa đàm về ATTP, đưa các thông tin về thanh tra, kiểm tra ATTP tại Thành phố. Đồng thời, còn tổ chức tuyên truyền ATTP thông qua các tờ rơi, áp phích, tờ gấp, xe truyền thông thường xuyên đưa tin, truyền tải những nội dung về ATTP. Ngoài ra, đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhằm nâng cao kiến thức về ATTP Sở Y tế và các Trung tâm Y tế dự phòng Quận, Huyện tổ chức các lớp tập huấn kiến thức về ATTP và cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP cho các đối tượng quản lý và người trực tiếp tiếp xúc với thực phẩm.

Sở Y tế đã thực hiện phát 261.287 tờ rơi, tờ gấp, tờ bướm; 37.503 tranh áp phích; 6.527 băng rôn; phát hành 5.641 băng đĩa; thực hiện 30 phóng sự, tọa đàm tuyên truyền, hướng dẫn các sở sản xuất, kinh doanh và chế biến thực phẩm thực hiện đúng những điều kiện ATTP theo quy định của pháp luật, giúp người tiêu dùng biết cách lựa chọn và sử dụng thực phẩm an toàn trên các kênh truyền hình, tổ chức 24 hội thảo, hội nghị với khoảng 4.362 người tham dự. Đồng thời, Sở Y tế đã phối hợp với các ban ngành, đoàn thể thực hiện 200 buổi nói chuyện chuyên đề về ATTP với 3.547 người tham dự. Ngoài ra, đã phân phối 66.489 USB, sổ tay, tài liệu tuyên truyền, phiêu và bao nhựa giấy tập huấn kiến thức ATTP, biên soạn 48 bản tin đăng trên website của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố về các hoạt động đảm bảo ATTP như các hội nghị, hội thảo, cảnh báo thực phẩm không an toàn, danh sách các cơ sở vi phạm hành chính về ATTP....

Bên cạnh đó, Sở Y tế phối hợp Sở Công thương tổ chức Chương trình triển khai các quy định về ATTP đối với ngành nghề sản xuất, kinh doanh bún và bánh tươi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (với sự tham gia của 300 đơn vị sản xuất kinh doanh); qua đó giới thiệu tác hại của việc sử dụng phụ gia, hóa chất dùng trong sản xuất bún tươi, bánh tươi; hướng dẫn, thông tin về các phụ gia an toàn, giới thiệu quy trình sản xuất bún sạch, tổ chức ký kết giữa các đơn vị sản xuất bún sạch với hệ thống phân phối trên địa bàn Thành phố. Chương trình này đã tạo sự đánh động trong ý thức và trách nhiệm của người tham gia sản xuất, kinh doanh các mặt hàng bún, bánh tươi đối với việc đảm bảo ATTP. Các cơ sở sản xuất sản phẩm bún, bánh tươi từng bước chủ động cải thiện điều kiện sản xuất, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, chú trọng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trong 05 năm qua Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố và các Trung tâm Y tế dự phòng đã cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP cho 372.701 đối tượng quản lý, trực tiếp sản xuất, kinh doanh và chế biến thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Y tế (Trong đó Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm cấp 72.650 đối tượng và Trung tâm Y tế dự phòng Quận, Huyện là 300.051 đối tượng).

Đối với UBND 24 Quận/Huyện đã tổ chức 14.654 lớp tuyên truyền, phổ biến kiến thức ATTP với 735.257 lượt người tham dự nhằm truyền đạt một số kiến thức về các mối nguy gây ô nhiễm thực phẩm, đặc biệt việc sử dụng các hóa chất, phụ gia độc hại trong nuôi trồng, chế biến và bảo quản thực phẩm, nâng cao hiểu biết về ATTP, hành vi thực hành khi tham gia vào quá trình sản xuất chế biến thực phẩm. Từ năm 2012 - 2016 ở 02 cấp Quận/Huyện và Phường/Xã đã tổ chức 1.961 buổi lễ phát động "Tháng hành động vì an toàn thực phẩm", triển khai treo 9.666 băng rôn; 73.132 áp phích; 572.809 tờ gấp, bướm liên quan hướng dẫn về ATTP; cấp 4.775 đĩa tuyên truyền; thực hiện phát thanh hơn 34.919 lượt các nội dung liên quan hướng dẫn các quy định về ATTP, tổ chức 143 hội nghị, hội thảo với 5.724 người tham dự tuyên truyền các quy định về ATTP. Ngoài ra, có những hình thức truyền thông khác như: tổ chức 224 xe loa tuyên truyền lưu động chạy khắp các con hẻm,

tuyến đường để tuyên truyền các quy định về ATTP đến các hộ dân. Biên soạn 791.019 bài viết trên bảng tin, bảng thông báo, đăng website của cơ quan về các hoạt động tuyên truyền đảm bảo ATTP....

Qua công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật phần nào giúp cải thiện công tác bảo đảm ATTP, nâng cao ý thức của người dân trong việc lựa chọn, tiêu dùng thực phẩm bên cạnh đó, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm ngày càng có xu hướng tuân thủ pháp luật được thể hiện qua số liệu của công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được cũng có những hạn chế chủ yếu là do nguồn kinh phí cho việc tuyên truyền, giáo dục pháp luật về ATTP vẫn còn ít so với quy mô của Thành phố. Chất lượng các hình thức tuyên truyền chưa cao một phần là do chất lượng báo cáo viên, người tuyên truyền tại các tuyến Quận/Huyện, Phường/Xã chủ yếu là kiêm nhiệm, các sản phẩm tuyên truyền chưa đa dạng, nội dung tuyên truyền còn khô khan thiếu tính thu hút.

2.4. Đánh giá những hạn chế và nguyên nhân

Thứ nhất, hệ thống pháp luật: Hiện nay hệ thống pháp luật Việt Nam về ATTP tương đối đồng bộ phục vụ cho công tác quản lý (Luật an toàn thực phẩm, Nghị định số 38/2012/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Nghị định số 178/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính về ATTP, Chỉ thị số 08-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chiến lược quốc gia về ATTP, các văn bản dưới Luật...). Đặc biệt, lần đầu tiên lĩnh vực ATTP có Nghị định xử phạt vi phạm hành chính riêng với mức phạt cao, tương xứng với từng hành vi và số lượng hàng hóa vi phạm (mức phạt cao nhất là 100 triệu đồng đối với cá nhân và 200 triệu đồng đối với tổ chức), và có thể phạt tới 07 lần giá trị hàng hóa vi phạm, tạo nên sức răn đe đáng kể. Tuy nhiên, trong thời gian qua, việc triển khai công tác hoạch định chính sách và các chương trình bảo đảm ATTP thuộc phạm vi quản lý của ngành y tế hiện nay vẫn còn một số hạn chế do vẫn còn những tồn tại, bất cập chủ yếu là của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật như:

- Hình thức Luật hiện nay của chúng ta chủ yếu là luật khung, để thực thi Luật thì cần có văn bản dưới Luật hướng dẫn thi hành. Do vậy, việc chậm ban hành

văn bản hướng dẫn sẽ gây khó khăn, lúng túng cho hệ thống QLNN cụ thể: Luật An toàn thực phẩm ban hành vào 17 tháng 6 năm 2010, có hiệu lực thi hành ngày 01 tháng 7 năm 2011, tuy nhiên Nghị định số 38/2012/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật An toàn thực phẩm được ban hành 25 tháng 4 năm 2012, có hiệu lực thi hành ngày 11 tháng 6 năm 2012 và Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT về hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong QLNN về ATTP được ban hành ngày 09 tháng 4 năm 2014, có hiệu lực thi hành ngày 26 tháng 5 năm 2014, ngoài ra các Thông tư hướng dẫn của các Bộ được ban hành từ năm 2012 đến nay vẫn đang tiếp tục hoàn thiện, bổ sung.

- Công tác quản lý ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống gặp khó khăn khi Luật An toàn thực phẩm ra đời cho đến năm 2014, do chưa có hướng dẫn quản lý ATTP cho đối tượng này từ cấp trung ương, dẫn đến việc thiếu thống nhất trong việc quản lý trên cùng một đối tượng tại các địa phương.

- Chưa có quy định kinh doanh riêng đối với mặt hàng hóa chất, phụ gia dùng trong công nghiệp với các chất, phụ gia dùng trong thực phẩm. Chưa có quy định chặt chẽ trong quản lý các chất, phụ gia thực phẩm như quy định kiến thức chuyên ngành cho người sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm, chưa quy định đối tượng mua, sử dụng các chất, phụ gia thực phẩm.

- Việc xây dựng, ban hành và áp dụng quy chuẩn kỹ thuật đối với các sản phẩm thực phẩm hoặc quy định chỉ tiêu và mức quy định an toàn đối với tất cả các sản phẩm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm vẫn còn chậm chưa theo kịp xu hướng phát triển ngày càng đa dạng của sản phẩm thực phẩm nên việc áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trên địa bàn Thành phố đang gặp khó khăn do thiếu các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để quản lý cụ thể như: hương liệu, nước mắm, cà phê, chè, rau củ quả và các sản phẩm từ rau củ quả, thịt, thủy sản và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, gia vị, đường, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng đặc biệt, bao bì, dụng cụ kim loại, tre, giấy,....

Từ đó có thể thấy nguyên nhân phần nào từ sự chậm trễ trong chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các quy định của pháp luật trong công tác quản lý ATTP từ cấp Trung

ương dẫn đến sự chậm trễ trong thực hiện của các địa phương trong đó có Thành phố Hồ Chí Minh. Bên cạnh đó, còn do các địa phương thiếu sự quyết liệt trong việc phản hồi những những khó khăn, vướng mắc trong quá trình áp dụng, thực thi pháp luật về ATTP trên địa bàn.

Thứ hai, về công bố hợp quy và công bố phù hợp với quy định ATTP hiện nay là không phù hợp với thông lệ quốc tế, ít hiệu quả trong triển khai trong thực tiễn cụ thể:

- Biện pháp quản lý này không còn được sử dụng trong quản lý ATTP của các quốc gia trên thế giới. Đây là biện pháp quản lý theo phương thức “tiền kiểm” thực chất ít hiệu quả, gây phiền hà, tốn kém cho doanh nghiệp.

- “Công bố phù hợp quy định ATTP” quy định tại Nghị định số 38/2012/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm là một quy định không có trong Luật, nhưng lại là quy định đang được áp dụng rộng rãi, phổ biến hơn nhiều so với quy định “Công bố hợp quy” một quy định chính thức của Luật ATTP. Hơn thế, thủ tục “Công bố phù hợp quy định ATTP” đang được đánh giá là một thủ tục hành chính phức tạp, tốn rất nhiều thời gian, chi phí của doanh nghiệp. Thực tế trong 05 năm qua, với số lượng hồ sơ công bố sản phẩm đã cấp ước tính tổng phí, lệ phí doanh nghiệp đóng cho nhà nước là khoảng 15 tỷ đồng, còn chưa kể đến các khoản phí xét nghiệm sản phẩm trước khi thực hiện công bố là khoảng 45 tỷ đồng.

- Từ khi Luật có hiệu lực thi hành, việc xây dựng và ban hành các quy chuẩn kỹ thuật cho các sản phẩm thực phẩm của các Bộ và nhóm thực phẩm phải thực hiện công bố hợp quy còn chậm và chưa đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện hiện nay. Thực tế hiện nay, tổ chức, cá nhân đang tự công bố sản phẩm phù hợp với quy định của Luật, quy định của các Bộ và ngành Y tế đang chủ yếu dựa vào hồ sơ đăng ký để cấp giấy xác nhận công bố.

Thứ ba, về cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm. Theo số liệu báo cáo của Thanh tra Sở Y tế từ năm 2012 – 2016 trong quá trình xử phạt vi phạm hành chính đối với các đối tượng sản xuất, kinh doanh thực

phẩm trên địa bàn thì tỷ lệ xử phạt các cơ sở vi phạm về giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm chiếm tỷ lệ 13,9% trong số 856 cơ sở bị xử phạt vi phạm hành chính. Phần còn lại tập trung ở các cơ sở đã có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm nhưng có những hành vi sai phạm trong quá trình sản xuất, kinh doanh, bảo quản thực phẩm. Qua đó cho thấy hiệu quả của việc thẩm định và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm hiện nay không cao.

Nguyên nhân một phần do các quy định hiện hành chưa phù hợp với thực tiễn, các quy định về điều kiện vẫn còn chung chung chưa cụ thể đối với từng loại hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm. Ví dụ như Điều 13, 14 Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế quy định điều kiện đối với cơ sở sản xuất nước uống đóng chai; nước đá dùng liền quy định phải có phiếu kiểm nghiệm từng lô sản phẩm, quy định này khi đưa vào thực tiễn rất khó áp dụng với tình hình thực tế tại địa phương vì đa phần các cơ sở này có quy mô nhỏ lẻ, hộ gia đình, mỗi lô sản phẩm sản xuất với số lượng ít, không có bộ phận quản lý chất lượng nên việc xét nghiệm đối với từng lô sản phẩm là rất khó thực hiện. Mặc dù một số loại hình có các tiêu chuẩn nhưng khi tiến hành đánh giá chưa có thang điểm hay mức độ đánh giá rõ ràng nên kết quả thẩm định điều kiện có phần thể hiện cảm tính của mỗi đoàn thẩm định từ đó chưa có sự thống nhất trong thực hiện.

Thứ tư, về bộ máy quản lý. Hiện nay UBND Quận/Huyện nhận sự chỉ đạo từ 03 Sở (Sở Y tế, Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) nên còn lúng túng, thiếu tính đồng bộ, nhất quán dẫn đến một số khó khăn trong triển khai thực hiện nội dung, quy trình, thủ tục, thẩm quyền cấp Giấy xác nhận kiến thức ATTP, Giấy đủ điều kiện ATTP cho các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm.

Tổ chức hệ thống QLNN về ATTP vẫn còn chưa hoàn thiện, tuyến Quận/Huyện thiếu nhân sự, tuyến Phường, Xã chưa có cán bộ chuyên trách về

ATTP. Hiện tại Quận, Huyện vùng ven, giáp với các tỉnh có diện tích rộng lớn trong khi đó cơ sở vật chất thiếu và nhân sự quản lý ATTP ít nên việc kiểm soát quá trình vận chuyển, kinh doanh sản phẩm động vật đã giết mổ vào địa bàn Thành phố trong thời gian qua diễn biến phức tạp, việc kiểm soát thực phẩm từ gốc tại các Tỉnh chưa chặt chẽ. Bên cạnh đó, điều kiện trang thiết bị kỹ thuật, cơ sở vật chất phục vụ phân tích, xét nghiệm cho lực lượng thanh tra, kiểm tra tại hiện trường còn hạn chế.

Hiện nay, việc kinh doanh thực phẩm tại chợ truyền thống còn nhỏ lẻ, điều kiện cơ sở vật chất, hạ tầng tại các chợ đa phần xuống cấp do được hình thành lâu đời. Hoạt động của ban quản lý tại các chợ cũng như hệ thống cảnh báo ATTP chưa hiệu quả nên một số sản phẩm lưu thông tại các chợ vẫn chưa rõ nguồn gốc, không đảm bảo an toàn.

Lực lượng thanh tra chuyên ngành về ATTP còn quá mỏng, kiến thức pháp luật, nghiệp vụ chuyên môn thì chưa đầy đủ, hạn chế, trong khi đối tượng vi phạm ngày càng tinh vi, khó phát hiện hành vi vi phạm. Cụ thể lực lượng thanh tra chuyên ngành về ATTP trong lĩnh vực y tế trong những năm qua có 16 thanh tra viên (thuộc Sở Y tế) và đến tháng 12 năm 2014, Phòng Công tác thanh tra của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm được thành lập với 25 công chức thanh tra, đến năm 2016 số lượng đã tăng thêm 05 biên chế. Để quản lý ATTP tại một Thành phố lớn thì số lượng biên chế như trên là một khó khăn cho hoạt động thanh tra, kiểm tra về ATTP tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ năm, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm: Trong những năm qua, Thành phố đã tập trung vào công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý về ATTP cùng với những kết quả đạt được bên cạnh đó vẫn còn những tồn tại, điển hình là các vụ sản xuất “thực phẩm bẩn” được các báo đài đưa tin trong thời gian qua cho thấy nguyên nhân một phần từ ý thức, trách nhiệm của một số nhà sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trong việc chấp hành các quy định pháp luật còn hạn chế và trong điều kiện kinh tế thị trường, một số cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, kinh doanh thực phẩm bất chấp hậu quả, chạy theo lợi nhuận gây mất ATTP cho xã hội. Bên cạnh đó còn là sự chưa thật sự quyết liệt và đồng bộ của các cơ quan quản lý về ATTP.

Có thể thấy một áp lực rất lớn đối với Thành phố trong việc bảo đảm ATTP hiện nay bắt nguồn từ việc sản lượng nông sản sản xuất tại Thành phố chỉ mới tự cung cấp được khoảng 15% - 20% nhu cầu, phần còn lại từ các tỉnh và nhập khẩu. Do đó tính an toàn của sản phẩm chưa được kiểm soát chặt chẽ chỉ kiểm soát được tại các chợ đầu mối thông qua công tác lấy mẫu xét nghiệm, thanh tra, kiểm tra. Ngoài ra, với số lượng hóa chất, phụ gia hiện nay rất đa dạng nên cơ quan nhà nước không biết cơ sở đã sử dụng chất gì để tầm soát, mà chỉ đơn giản tầm soát những chất do Bộ Y tế quy định. Do đó, trong thời gian qua công tác tầm soát chủ yếu dựa vào cảnh báo của nước ngoài. Mặt khác khi phát hiện một chất lạ trong sản phẩm thì lúc đó cơ quan nhà nước mới ban hành thường quy kỹ thuật và xem xét có được sử dụng hay không và nếu được thì với hàm lượng là bao nhiêu nên cũng khó khăn trong xử lý như 3MCPD, melamine, tinopal,...

Thứ sáu, tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Một thực trạng hiện nay là những người có thu nhập thấp buộc phải chấp nhận các loại thực phẩm rẻ tiền, không an toàn. Ngoài ra, còn có một số người có thói quen tiêu dùng chưa phù hợp, chưa quan tâm đúng mức với chính sức khỏe của mình nên vẫn chấp nhận các sản phẩm thực phẩm không an toàn. Do đó, đã góp phần gia tăng loại hình thức ăn đường phố đây là loạt hình kinh doanh tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ATTP. Trên cơ sở đó đòi hỏi cơ quan QLNN cần phải tập trung vào công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tuy nhiên, hiện nay công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về ATTP đang bộc lộ một số tồn tại dẫn đến trình độ nhận thức pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm và nhân dân còn hạn chế. Từ đó dẫn đến kiến thức của một bộ phận không nhỏ người tiêu dùng về ATTP chưa cao, còn dễ dãi, chấp nhận tiêu thụ thực phẩm trôi nổi, không rõ nguồn gốc, không đảm bảo an toàn.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do nhận thức chung của xã hội về ATTP chưa cao; Hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật mặc dù đã được áp dụng khá đa dạng, phong phú, song nhìn chung chưa hiệu quả, có một số hình thức chưa phù hợp với đối tượng tuyên truyền, phổ biến và tình hình thực tiễn; Đội ngũ cán bộ làm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật còn hạn chế và chưa đồng đều, đặc biệt là ở

cấp Quận, Huyện và Phường, Xã; Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật còn chưa đồng bộ, đôi khi dẫn đến sự chông chéo. Kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện làm việc dành cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật nhìn chung còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác này.

Kết luận chương 2

Công tác QLNN về ATTP nói chung tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay đặt ra nhiều thách thức đối với các cơ quan QLNN. Trong đó lĩnh vực ATTP do ngành y tế quản lý gặp không ít những khó khăn nguyên nhân xuất phát từ nhiều yếu tố như hệ thống pháp luật về ATTP còn chông chéo chức năng nhiệm vụ giữa các cơ quan quản lý, sự phát triển của kinh tế - xã hội và sự gia tăng dân số của Thành phố.

Cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội Thành phố đã nỗ lực và đã có những đóng góp tích cực trong công tác QLNN nói chung và QLNN về ATTP nói riêng nhằm bảo đảm sức khỏe của nhân dân, làm giảm nguy cơ thực phẩm không an toàn đến với người dân. Chương 2 đã nêu lên được thực trạng về công tác QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay và cũng phần nào đại diện cho bức tranh toàn cảnh về thực trạng ATTP nói chung của toàn Thành phố. Từ những số liệu đã tổng hợp giúp tìm ra được các nguyên nhân còn tồn đọng trong quản lý từ đó góp phần đề ra định hướng cho công tác quản lý về ATTP trong giai đoạn hiện nay.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Dự báo tình hình và định hướng quản lý An toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Dự báo tình hình

Hiện nay thu nhập, đời sống vật chất từng bước được nâng cao nên người tiêu dùng ngày càng chú trọng đến nguồn gốc, xuất xứ cũng như chất lượng hàng hóa. Đặc biệt, nhu cầu tiêu dùng thực phẩm an toàn ngày càng trở nên cấp thiết và vấn đề ATTP đang là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội. Người tiêu dùng sẵn sàng lựa chọn và trả giá cao cho những sản phẩm thực phẩm có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, thương hiệu uy tín, chất lượng đảm bảo và an toàn cho sức khỏe. Do đó, công tác quản lý ATTP hiện nay cần tập trung vào một số nội dung:

Đẩy mạnh công tác thông tin giáo dục truyền thông, tạo sự đánh động đến nhận thức của nhà sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trong việc nâng cao chất lượng, đảm bảo ATTP.

Tăng cường công tác lấy mẫu giám sát ATTP, công tác thanh tra, kiểm tra ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Xử lý nghiêm, xử lý điển các vụ vi phạm nghiêm trọng về ATTP để tạo sự răn đe cho các đối tượng khác, thông tin các trường hợp vi phạm, sản phẩm không đảm bảo an toàn trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Tập trung phát triển mạnh quản lý thực phẩm theo “chuỗi thực phẩm an toàn” cả về số lượng, lẫn về chất lượng, chủng loại. Tăng thị phần sản phẩm thuộc chuỗi trên thị trường qua việc xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối sản phẩm thực phẩm an toàn, đảm bảo chất lượng và truy xuất được nguồn gốc xuất xứ.

Trong thời gian tới, nước ta tiếp tục hội nhập sâu, rộng vào kinh tế thế giới và khu vực với việc tham gia nhiều Hiệp định Tự do hóa thương mại, hợp tác song phương, đa phương; Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), thực hiện lộ

trình cam kết WTO, AFTA,.. sẽ đem lại nhiều cơ hội tiếp cận các thị trường rộng lớn, nguồn vốn và khoa học công nghệ, tuy nhiên, lĩnh vực ATTP cũng sẽ đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức trong quá trình hội nhập, như cạnh tranh về giá cả và chất lượng với các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu.

Riêng đối với Thành phố Hồ Chí Minh là một trung tâm kinh tế, văn hóa, thương mại của cả nước thì yêu cầu đảm bảo ATTP để phát triển kinh tế - xã hội càng đặt ra cao hơn nhưng đồng thời sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như:

Sự gia tăng dân số cơ học trong quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa làm suy giảm diện tích đất sản xuất nông nghiệp và làm giảm nguồn cung cấp thực phẩm tại chỗ.

Tăng nguy cơ ô nhiễm không khí, nguồn nước,... cùng với quá trình biến đổi khí hậu sẽ dẫn đến mất cân bằng hệ sinh thái. Điều này cũng làm tăng nguy cơ phát triển, biến chủng những vi sinh vật không có lợi trong sản xuất, bảo quản thực phẩm,... làm gia tăng nguy cơ NĐTP có nguồn gốc vi sinh vật.

Những hành vi gian lận thương mại, hành vi vi phạm ATTP trong sử dụng chất cấm, chất bảo quản, chất tạo màu,... không đúng mục đích sẽ ngày càng tinh vi, khó phát hiện. Các nhà sản xuất và kinh doanh thực phẩm vẫn sử dụng những biện pháp bảo quản không hợp lý, việc một số nhà sản xuất, kinh doanh sử dụng hoá chất cấm trong sản xuất, chế biến thực phẩm đã và đang trở thành vấn đề nóng và gây không ít lo lắng cho người tiêu dùng và cho toàn xã hội.

Việc kiểm soát tốt chất lượng nông sản thực phẩm không chứa hoá chất cấm, hoá chất ngoài danh mục cho phép, không nhiễm vi sinh là vấn đề đặt ra đối với các cơ quan QLNN về ATTP không chỉ ở nước ta mà còn là vấn đề đặt ra trên toàn thế giới.

ATTP phải bắt đầu từ sản xuất và phải được kiểm soát trong suốt cả quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản và lưu thông phân phối. Trong xu thế hiện nay, tăng cường công tác QLNN về ATTP và vai trò trách nhiệm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm góp phần đáp ứng yêu cầu về sản phẩm thực phẩm đạt

chất lượng và an toàn, đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và góp phần phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trong giai đoạn hiện nay và trong thời gian tới.

3.1.2. Định hướng quản lý an toàn thực phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh

Cùng với việc xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh văn minh, hiện đại với vai trò đô thị đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đóng góp ngày càng lớn đối với khu vực và cả nước; từng bước trở thành trung tâm lớn về kinh tế, tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ của đất nước và khu vực Đông Nam Á. Thành phố từng bước cụ thể hóa mục tiêu trên trong việc định hướng công tác QLNN về ATTP tập trung quản lý trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, lưu thông, phân phối, kinh doanh đối với tất cả các loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm, bếp ăn tập thể, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc phạm vi quản lý về an toàn thực phẩm của Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương được phân công, phân cấp trừ sản xuất ban đầu như trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, hoạt động kiểm soát giết mổ do ngành nông nghiệp quản lý và hoạt động kiểm tra phòng, chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trên thị trường đối với tất cả các loại thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm do Sở Công Thương chịu trách nhiệm quản lý.

Với định hướng trên Thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2349/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2016 thí điểm thành lập Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là cơ quan thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh, có chức năng giúp UBND Thành phố tổ chức thực thi pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn Thành phố với thời gian thí điểm là 03 năm với mục tiêu đề ra là “xây thực phẩm sạch, chống thực phẩm bẩn” và “cải cách hành chính, tăng cường tuyên truyền”.

3.2. Phương hướng, mục tiêu quản lý An toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh

Sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm là những khâu được kết nối với nhau thành chuỗi rất đa dạng và phức tạp “từ nông trại đến bàn ăn”. Bất kỳ một khâu nào trong chuỗi không an toàn thì sản phẩm cuối cùng đến tay người tiêu dùng cũng sẽ không bảo đảm an toàn. Bằng chứng là nếu thủy sản đầu vào đã bị nhiễm hóa chất độc hại, nhiễm kháng sinh; lợn, gà được nuôi bằng chất tăng trọng hay rau, củ, quả đã bị nhiễm thuốc trừ sâu, kim loại nặng thì dù có chế biến bằng quy trình chuẩn, sản phẩm đầu ra vẫn chứa các chất độc hại, không an toàn cho sức khỏe của người dân. Với thực trạng trên Thành phố đã đi đầu cả nước trong việc đề xuất dự án cải cách công tác QLNN về ATTP theo đó tập trung quản lý về một mối nhằm làm tăng tính chủ động, kịp thời và giảm thiểu các thủ tục hành chính như hiện nay. Thành phố tập trung đề ra các chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2020 bao gồm:

- 100% Thực phẩm kinh doanh trong siêu thị, cửa hàng văn minh tiện ích và tại 3 chợ đầu mối, được kiểm soát nguồn gốc ATTP;
- 100% Người sản xuất, người kinh doanh thực phẩm, người quản lý biết đúng và thực hành đúng về ATTP;
- Trong công tác tuyên truyền, giáo dục phấn đấu 100% Người tiêu dùng hiểu biết đúng và thực hành đúng về ATTP;
- Giảm 90% Số vụ NĐTP tập thể trên 30 người mắc so với trung bình 5 năm (2006 - 2010), không để xảy ra dịch lây qua đường thực phẩm và tỷ lệ mắc NĐTP cấp tính được ghi nhận dưới 6 người/ 100.000 dân.
- Phấn đấu 100% cơ sở sản xuất, chế biến thực phẩm quy mô công nghiệp, tập trung được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP. Trong đó, 80% cơ sở sản xuất, bảo quản, sơ chế, chế biến thực phẩm quy mô tập trung áp dụng hệ thống đảm bảo chất lượng ATTP như GMP, HACCP, ISO 9001, ISO 22000;
- 70% cơ sở chế biến nông sản, 100% cơ sở chế biến thủy sản thực phẩm quy mô công nghiệp áp dụng quản lý chất lượng theo HACCP, GMP, GHP, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về ATTP;

- 80% cảng cá, tàu cá từ 90 mã lực trở lên, cơ sở sản xuất nước đá độc lập phục vụ chế biến thủy sản, cơ sở thu mua nguyên liệu, cơ sở sơ chế nông, lâm, thủy sản đạt quy định về điều kiện đảm bảo ATTP và áp dụng các chương trình quản lý chất lượng như GMP, SSOP;

- 100% vùng nuôi thủy sản, vùng chăn nuôi, trồng trọt quy mô công nghiệp tập trung được kiểm soát;

- 80% vùng nuôi nhỏ lẻ được giám sát dư lượng hóa chất độc hại;

- 30% sản lượng thủy sản tham gia “chuỗi thực phẩm an toàn”.

Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai thực hiện các hoạt động chuyên môn, kỹ thuật về kiểm nghiệm thực phẩm (thu thập, phân tích, kiểm nghiệm mẫu thực phẩm) nhằm tập trung kiểm soát được các mối nguy có thể ảnh hưởng đến ATTP.

3.3. Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại Thành phố Hồ Chí Minh

3.3.1. Kiến nghị hoàn thiện pháp luật

Mặc dù hiện nay hệ thống văn bản pháp luật không ngừng được sửa đổi, bổ sung nhưng vẫn tồn tại những bất cập trong phân công và phối hợp giữa các ngành chức năng vì vậy cần phải có văn bản hướng dẫn thi hành Luật An toàn thực phẩm điều chỉnh đầy đủ, phân công cụ thể trách nhiệm quản lý đối với các chủ thể hoạt động trong nhiều lĩnh vực, ngành hàng. Đơn cử như với sợi bún, nguyên liệu là bột gạo do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý, sản phẩm tinh bột thì thuộc Bộ Công Thương, nếu sản phẩm bún bán ra thị trường chứa chất tinopal gây hậu quả cho người tiêu dùng thì trách nhiệm quản lý thuộc Bộ Y tế. Do đó, cần hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật theo hướng tránh bất cập, chồng chéo, không khả thi.

Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm đã có nhiều cải tiến so với quy định trước đây, tuy nhiên, vẫn theo hướng phân trách nhiệm quản lý cho 03 ngành. Trong đó, quy định tại Khoản 08 Điều 36 “đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 02 cơ quan quản lý

chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có sản lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý”. Đây sẽ là một bất cập vì trong nền kinh tế thị trường các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thực phẩm phụ thuộc vào thị trường tiêu thụ nên tùy theo thời điểm nhất định thì sản lượng sản phẩm sẽ khác nhau dẫn đến việc áp dụng quy định này gặp khó khăn trong quản lý giữa các ngành. Bên cạnh đó, một bất cập khác là đối với cơ sở có nhiều sản phẩm thuộc từ hai ngành quản lý trở lên một khi đã xác định được một ngành quản lý chính (ví dụ ngành y tế) thì trong quản lý của mình các cán bộ, công chức thực thi không những phải nắm vững các quy định của ngành y tế mà còn các quy định của các ngành khác về ATTP như ngành công thương, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Do vậy, cần cơ chế tập trung về một cơ quan quản lý ATTP. Để bảo đảm được mục tiêu của Chính phủ là tinh gọn bộ máy thì cơ quan QLNN về ATTP cần tập trung về Bộ Y tế. Trên cơ sở đó, phân định rõ ràng quyền hạn, trách nhiệm giữa các bộ ngành như Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quản lý toàn bộ quá trình chăn nuôi, trồng trọt. Bộ Y tế có trách nhiệm quản lý từ khi các sản phẩm thực phẩm (thịt, rau củ quả) được đưa vào các cơ sở giết mổ, chế biến sản xuất, bảo quản và đưa ra thị trường. Với phương án này sẽ tập trung biên chế quản lý ATTP của 03 ngành về một mối mà vẫn không làm tăng bộ máy nhà nước và nhân sự theo chủ trương cải cách của Chính phủ hiện nay. Mô hình này tạo ra sự thống nhất một đầu mối thực hiện các thủ tục hành chính trong công tác quản lý ATTP, tạo nên sự thuận lợi, nhất quán từ khâu cấp phép, quản lý, thanh kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống, cũng như giám sát môi nguy, chất lượng thực phẩm.

Đối với Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế, tại Khoản 07 Điều 13 và Khoản 04 Điều 14 quy định các cơ sở sản xuất nước uống đóng bình, nước đá dùng liền phải có đủ hồ sơ lưu trữ, kết quả kiểm nghiệm từ khai thác nguồn nước đến thành phẩm theo quy định theo từng lô. Việc này gây khó khăn cho doanh nghiệp vì hầu hết các cơ sở sản xuất

nước uống đóng bình hiện nay đều có sản lượng sản xuất vừa và nhỏ, nếu áp dụng theo quy định thì tốn rất nhiều kinh phí và thời gian của doanh nghiệp. Do vậy, cần có những quy định theo hướng quản lý các rủi ro trong việc bảo đảm chất lượng ATTP cụ thể xét nghiệm định kỳ 03 tháng/ lần đối với nguyên liệu đầu vào và 06 tháng/ lần đối với sản phẩm đầu ra.

Đối với Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT cần phải thống nhất cách sử dụng từ ngữ “giấy xác nhận kiến thức ATTP” với Nghị định số 178/2013/NĐ-CP “giấy xác nhận tập huấn kiến thức ATTP” để thống nhất trong xử phạt vi phạm hành chính về ATTP.

Ban hành chính sách hỗ trợ địa phương quy hoạch vùng sản xuất thực phẩm an toàn; hỗ trợ việc áp dụng chương trình VietGAP; hỗ trợ người dân xây dựng các mô hình thí điểm sản xuất, kinh doanh theo hướng an toàn, quản lý theo chuỗi từ trang trại đến bàn ăn; phát triển sản xuất trồng trọt quy mô lớn tập trung, gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ.

Xây dựng và ban hành kịp thời các quy chuẩn kỹ thuật đối với từng loại thực phẩm nhằm phù hợp với thực trạng tồn tại đa dạng thực phẩm hiện nay giúp các cơ quan quản lý và doanh nghiệp giảm bớt thời gian và kinh phí trong việc thực hiện công bố sản phẩm thực phẩm.

Cần sớm xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính để tập hợp dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng thông qua phương tiện điện tử nhằm phục vụ công tác QLNN về xử lý vi phạm hành chính nói chung và xử lý vi phạm hành chính về lĩnh vực thực phẩm nói riêng.

3.3.2. Các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

3.3.2.1. Giải pháp về xây dựng chính sách, kế hoạch

Đổi mới quy trình hoạch định chính sách công theo hướng dân chủ, huy động sự tham gia của toàn xã hội, nhất là của đội ngũ chuyên gia vào xây dựng chính sách; tích cực lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến từ các đối tượng chịu tác động trực tiếp của chính sách; cần lấy ý kiến của người dân, các doanh nghiệp để có những chính

sách sát với thực tế, tránh việc “chính sách trên trời được ban hành cho dân dưới đất”; từng bước tạo lập một quy trình làm chính sách gọn, tiện lợi nhưng khoa học, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao. Thành phố cần có những chính sách phù hợp với tình hình phát triển hiện nay cụ thể theo hướng:

- Xây dựng lộ trình triển khai phần mềm truy xuất nguồn gốc tất cả hàng hóa từ khi sản xuất, qua các khâu trung gian, phân phối, đến người tiêu dùng cuối cùng, để khi phát hiện vi phạm có thể truy được trách nhiệm của từng khâu. Vì hiện nay thực phẩm từ sản xuất đến phân phối qua rất nhiều khâu, trong đó đặc biệt là khâu trung gian. Và khi qua trung gian, hàng xấu, hàng tốt bị trộn lẫn, dẫn tới việc những người làm tốt, nghiêm túc, đầu tư bài bản, sản xuất ra những sản phẩm chất lượng, có chi phí cao cũng bị đánh đồng với những người làm ăn cầu thả nên không khuyến khích được người sản xuất làm tốt. Để thực hiện được điều này cần xây dựng, phát triển các cơ sở thực phẩm đủ điều kiện tham gia chuỗi như: tư vấn, huấn luyện, hỗ trợ kỹ thuật và điều kiện thực thi cho các cơ sở thực phẩm đã tự nguyện đăng ký tham gia chuỗi nhằm giúp các cơ sở này sớm đạt được các tiêu chuẩn quy định và được cấp giấy chứng nhận của Bộ chuyên ngành (VietGAP, Cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, Cơ sở nuôi thủy sản an toàn, Cơ sở đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm...), tiến đến đạt các tiêu chuẩn quốc tế (GlobalGAP: thực hành nông nghiệp tốt toàn cầu, HACCP, ISO...). Tư vấn, huấn luyện và hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ sở thực phẩm đã tự nguyện đăng ký tham gia chuỗi thực hiện truy nguyên nguồn gốc nguyên liệu thực phẩm đầu vào, cũng như truy nguyên nguồn gốc sản phẩm của chính cơ sở; thực hiện việc bao gói và mã hàng hóa cho sản phẩm của mình phục vụ cho việc kinh doanh, chống hàng giả và truy nguyên được nguồn gốc sản phẩm. Bên cạnh đó, Thành phố cần có chương trình, kế hoạch hỗ trợ việc kết nối các ngân hàng, tín dụng vào chuỗi sản xuất, cung ứng sản phẩm thực phẩm an toàn.

- Cần tiến hành khảo sát, lựa chọn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm có quy mô tập trung tại các tỉnh, thực hiện đúng quy định an toàn thực phẩm và đưa thực phẩm về tiêu thụ tại Thành phố. Tổ chức ký kết giữa UBND

Thành phố với các Tỉnh có nguồn thực phẩm cung cấp cho Thành phố. Thông qua ký kết, mục tiêu xây dựng, phát triển các chuỗi cung ứng nông sản, thủy sản an toàn giữa các tỉnh và Thành phố Hồ Chí Minh được kiểm soát chặt chẽ từ khâu sản xuất ban đầu (trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác) đến cơ sở sơ chế, giết mổ, chế biến, kinh doanh sản phẩm thực phẩm và truy xuất được nguồn gốc, xuất xứ.

Tập trung xây dựng kế hoạch tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, các chuyên tham quan trao đổi chia sẻ kinh nghiệm giữa các cơ sở đủ điều kiện tham gia chuỗi; hỗ trợ tiếp thị và phân phối thực phẩm thuộc chuỗi; xây dựng hệ thống các cửa hàng thực phẩm chỉ bán thực phẩm của các cơ sở thuộc chuỗi; liên kết với các hệ thống siêu thị, chợ, cửa hàng thực phẩm khác để đưa sản phẩm thực phẩm thuộc chuỗi vào kinh doanh trong một khu vực riêng biệt và thông báo rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng để người tiêu dùng biết địa chỉ của từng cửa hàng có bán thực phẩm thuộc chuỗi; Thành phố tạo điều kiện, hỗ trợ các cơ sở tham gia chuỗi xây dựng, bảo vệ và phát triển thương hiệu bền vững.

Một trong những biện pháp cần thiết trong điều kiện hiện nay là thiết lập hệ thống giám sát NĐTP cấp tính cá thể trên toàn Thành phố nhằm phát hiện sớm và xử lý kịp thời các vụ NĐTP tập thể, hạn chế đến mức thấp nhất tổn thất về sức khỏe và tính mạng của nhân dân. Kịp thời ngăn chặn các bệnh lây qua đường thực phẩm. Qua đó, Thành phố cần phải xây dựng các tiêu chuẩn chẩn đoán NĐTP cấp tính, cá thể (gồm các bệnh truyền qua thực phẩm như tả, lỵ, thương hàn...); triển khai huấn luyện cho mạng lưới khám chữa bệnh toàn Thành phố; thiết lập hệ thống ghi nhận và báo cáo các trường hợp NĐTP cấp tính cá thể từ các cơ sở khám chữa bệnh trong thành phố; phân tích số liệu ghi nhận được để cảnh báo cho các cơ quan quản lý, người tiêu dùng khi có hiện tượng ngộ độc bất thường.

Việc khuyến khích và bắt buộc phải tuân thủ tiêu chuẩn quốc tế thúc đẩy các doanh nghiệp sản xuất trong nước nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm của mình, đáp ứng tốt hơn yêu cầu vệ sinh và chất lượng của các thị trường xuất khẩu, từ đó nâng cao sức cạnh tranh và uy tín của hàng Việt Nam trên thị

trường thực phẩm thế giới. Ngoài ra, doanh nghiệp Việt Nam cũng sẽ hạn chế được những thiệt hại không đáng có do không đáp ứng được yêu cầu chất lượng của thị trường xuất khẩu.

Bên cạnh đó, hướng tới quy định cắt giảm sử dụng các hóa chất trong hoạt động nuôi trồng (nhất là sử dụng kháng sinh trong chăn nuôi gia súc) và ngừng sử dụng thuốc kháng sinh thúc đẩy tăng trưởng trong thức ăn chăn nuôi. Áp dụng những giải pháp thay thế thuốc kháng sinh (như chế phẩm sinh học) là một hướng tiếp cận đầy hứa hẹn đang được các doanh nghiệp thúc đẩy đưa vào áp dụng. Xây dựng một hệ thống kiểm soát dựa trên nguy cơ áp dụng các nguyên tắc đánh giá nguy cơ, quản lý nguy cơ và truyền thông nguy cơ đã được WHO/ FAO xây dựng.

3.3.2.2. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và các chính sách về sản xuất, kinh doanh thực phẩm

Thực hiện việc cải cách hành chính trong QLNN, cần xem xét bãi bỏ các thủ tục hành chính, đang gây cản trở, khó khăn cho hoạt động đầu tư kinh doanh của doanh nghiệp nhằm tạo hành lang thông thoáng và điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, song vẫn trên cơ sở lấy việc đảm bảo sức khỏe nhân dân, bảo đảm thực phẩm an toàn là nhiệm vụ hàng đầu cụ thể:

- Đối với việc công bố sản phẩm, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm đã phần nào giảm bớt thủ tục hành chính cho doanh nghiệp trong việc công bố hợp quy, công bố phù hợp quy định đó là chuyển thủ tục công bố hợp quy và công bố phù hợp với quy định ATTP thay vào đó là quy trình một cửa, không kiểm soát trên giấy tờ mà tập trung vào hậu kiểm (kiểm tra, thanh tra theo quy định, quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn do cơ sở công bố áp dụng) nhằm tạo điều kiện thuận lợi về môi trường đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, giảm bớt thủ tục, tài chính và thời gian của doanh nghiệp trong việc thực hiện. Căn cứ công bố của doanh nghiệp, cơ quan QLNN sẽ tăng cường hậu kiểm, kiểm tra, xử phạt nếu phát hiện sai phạm, trong đó sẽ mở rộng phạm vi, nâng cao mức xử phạt theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, cần phải có quy định thành lập hệ thống phân

mềm lưu trữ, công khai bản tự công bố sản phẩm từ Trung ương đến địa phương do các tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm gửi đến cơ quan QLNN nhằm thuận tiện cho việc đối chiếu trong công tác quản lý và người dân được tiếp cận nhằm trực tiếp giám sát chất lượng ATTP của các doanh nghiệp.

- Bên cạnh đó Nghị định số 15/2018/NĐ-CP cũng đã mở rộng đối tượng doanh nghiệp không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cụ thể là các đối tượng: sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; sản xuất, kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định; sơ chế nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn; sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm; nhà hàng trong khách sạn; bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm; kinh doanh thức ăn đường phố; cơ sở đã được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích môi nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực. Tuy nhiên, theo quan điểm nghiên cứu cần phải tiếp tục mở rộng theo hướng xóa bỏ giấy phép con về điều kiện ATTP thay vào đó các doanh nghiệp khi hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải có thông báo đến cơ quan chức năng và tuân thủ các điều kiện về ATTP theo quy định. Vì thực tế hiện nay cho thấy giấy phép này một phần làm tốn hao thời gian, tiền bạc cho doanh nghiệp và cũng không hiệu quả cho hoạt động QLNN vì theo số liệu phân tích thì số cơ sở đã có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện VSATTP vi phạm vẫn chiếm tỷ lệ cao nguyên nhân một phần là do sự ỷ lại của doanh nghiệp khi đã có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện VSATTP.

Với các đề xuất trên sẽ làm giảm bớt biên chế của khâu hành chính như cấp phép, xét duyệt hồ sơ, thẩm định thay vào đó chuyển sang làm công tác hậu kiểm, kiểm tra, thanh tra nhằm tăng cường biên chế cho lực lượng thanh tra chuyên ngành có đầy đủ nghiệp vụ quản lý mà không cần tuyển dụng mới, đào tạo từ đầu.

Phát triển thương hiệu sản phẩm đạt tiêu chuẩn về ATTP theo quy định của Việt Nam và quốc tế, ưu tiên nguồn lực nghiên cứu các biện pháp kỹ thuật, khuyến

khích chuyển giao và áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới về sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm, thực phẩm; Các doanh nghiệp cần chú trọng kiểm soát nguyên liệu đầu vào sản xuất và thành phẩm trước khi đưa ra thị trường; Cần đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại cho phòng thí nghiệm để nâng cao kiểm soát các nguồn nguyên liệu và thành phẩm trước khi cho lưu thông trên thị trường.

Tổ chức sắp xếp lại việc kinh doanh hóa chất, phụ gia thực phẩm theo nguyên tắc bố trí khu vực kinh doanh hóa chất phụ gia dùng trong thực phẩm; quy định chủ hộ kinh doanh phải được kiểm tra và có trình độ tương ứng với ngành nghề kinh doanh, cam kết kinh doanh hóa chất, phụ gia thực phẩm có nhãn đúng quy định; bảo đảm được nguồn gốc xuất xứ.

3.3.2.3. Thông tin, báo cáo công tác an toàn thực phẩm

Việc thông tin, báo cáo về ATTP là nhiệm vụ thường xuyên, định kỳ trong công tác QLNN. Để các thông tin, báo cáo truyền tải có hiệu quả những thực trạng của công tác quản lý ATTP hiện nay đến toàn xã hội cần phải:

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, khai thác hiệu quả số liệu thống kê qua các báo cáo định kỳ, đột xuất. Kịp thời cung cấp thông tin cho các cơ quan truyền thông về các địa điểm cung cấp sản phẩm an toàn và không an toàn đến người tiêu dùng.

- UBND xây dựng các biểu mẫu báo cáo phải bảo đảm tiện lợi khi nhập dữ liệu, dễ tra cứu tìm kiếm, thông tin nhanh, kịp thời, chính xác; hệ thống chỉ tiêu thống kê, báo cáo cấp Tỉnh, Thành phố phải được xây dựng và ban hành đồng bộ với Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.

Để quản lý có hiệu quả công tác ATTP, cơ quan quản lý cần rà soát, cập nhật, mã hóa cơ sở dữ liệu của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn. Tiến hành thống kê, rà soát các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn quản lý; mã hóa xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu đưa vào theo dõi quản lý một cách có hệ thống, cập nhật bổ sung các biến động tăng, giảm kịp thời, để từ đó phân loại đối tượng quản lý, ngành nghề kinh doanh từ đó có giải pháp quản lý phù hợp với từng đối tượng, từng nhóm lĩnh vực kinh doanh về thực phẩm.

3.3.2.4. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm

Tăng cường lực lượng thanh tra, kiểm tra chuyên ngành ATTP; có giải pháp chế tài đối với các sản phẩm không an toàn; thanh tra, kiểm tra về ATTP trong toàn bộ quá trình sơ chế, đóng gói, bảo quản, vận chuyển đến sản phẩm cuối cùng được đưa ra thị trường; xử lý nghiêm các sai phạm, kịp thời ngăn chặn sản phẩm thực phẩm không đảm bảo ATTP lưu thông trên thị trường. Cụ thể cần triển khai các hoạt động:

- Thông qua kết quả hoạt động phân tích và đánh giá nguy cơ về ATTP do các cơ quan kiểm nghiệm lấy mẫu thực phẩm trên thị trường, cơ quan quản lý tổ chức các đợt kiểm tra theo chuyên đề vào một số nhóm ngành hàng được cảnh báo cũng như việc tuân thủ các điều kiện vệ sinh ATTP của cơ sở kinh doanh nhằm tăng hiệu quả công tác kiểm tra do tập trung có trọng tâm, trọng điểm. Bên cạnh việc kiểm tra định kỳ theo kế hoạch cần phải chú trọng vào công tác thanh tra đột xuất các vụ việc nổi cộm, có dấu hiệu vi phạm pháp luật và thanh tra theo kế hoạch vì thực tiễn hoạt động thanh tra ATTP tại Thành phố trong thời gian qua luôn mang lại hiệu quả cao hơn công tác kiểm tra.

- Nhằm giảm nguy cơ NĐTP, Thành phố cần tập trung phối hợp với chính quyền địa phương tận dụng các nhân sự tại chỗ tiến hành kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc thực hiện quy định của pháp luật về ATTP nhất là đối với các bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, nhà hàng, khu du lịch, lễ hội, thức ăn đường phố, trường học, khu công nghiệp. Kiên quyết không để các cơ sở nói trên hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm mà không đạt các điều kiện tiên quyết đối với từng loại hình theo quy định của pháp luật.

- Tiến hành hoạt động kiểm tra sản phẩm đầu cuối trong đó tập trung vào quy trình và chất lượng chế biến. Kiểm tra sản phẩm đầu cuối là hoạt động quan trọng nhằm đảm bảo sự tin tưởng của người tiêu dùng tuy nhiên chỉ mình hoạt động này sẽ không thể đảm bảo cung cấp thực phẩm sạch. Cần hướng sự tập trung vào các giải pháp phòng ngừa, tức là, thúc đẩy các giải pháp thực hành tốt và hoạt động kiểm tra tại các công đoạn khác nhau của chuỗi sản phẩm trên cơ sở tiếp cận yếu tố nguy cơ.

- Trong thanh tra, kiểm tra phát hiện các trường hợp vi phạm quy định về ATTP mà thực phẩm có giá trị lớn, thu lợi bất chính lớn, hậu quả gây ngộ độc cho nhiều người, gây tổn hại nghiêm trọng cho sức khỏe của người khác, cần tập trung thu thập hồ sơ, chứng cứ, định lượng để làm căn cứ xử lý hình sự đối với hành vi vi phạm quy định về ATTP. Thực tiễn tại Thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua do các cơ quan QLNN chưa làm chặt chẽ trong khâu thu thập hồ sơ, chứng cứ, định lượng nên hiện tại chỉ có 02 vụ việc vi phạm pháp luật về ATTP được chuyển sang cơ quan Cảnh sát điều tra và cho tới nay vẫn chưa có kết quả từ các cơ quan Cảnh sát điều tra.

- Thực hiện công bố thông tin các cơ sở, sản phẩm vi phạm quy định về ATTP trên các phương tiện thông tin đại chúng để người tiêu dùng kịp thời cập nhật thông tin, đồng thời biểu dương các đơn vị sản xuất, kinh doanh thực phẩm tiên tiến và giới thiệu sản phẩm thực phẩm được chứng nhận an toàn đến người tiêu dùng.

- Tổ chức lớp tập huấn nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra về ATTP cho tất cả cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra về ATTP trên địa bàn thành phố. Một điểm cần chú ý là tăng phụ cấp cho cán bộ, thanh tra viên, công chức được giao nhiệm vụ thanh tra được trích từ nguồn thu xử phạt vi phạm hành chính về ATTP vì đây là một nghề nghiệp đặc thù nhạy cảm, tiếp xúc trực tiếp đến các đối tượng quản lý. Do đó, để thực hiện chức năng thanh tra có hiệu quả đòi hỏi lực lượng thanh tra phải vững về pháp lý và ổn định về điều kiện làm việc và tinh thần.

Tập trung hơn nữa đến cơ chế hậu kiểm, chú trọng triển khai việc giám sát, kiểm tra, xử lý sau khi thanh tra, kiểm tra và đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra, đảm bảo thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Cần thống kê, phân loại và công khai những đối tượng nào chấp hành và chưa chấp hành theo kết luận thanh tra, quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thực phẩm để từ đó đưa ra được những biện pháp xử lý cụ thể.

3.3.2.5. Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm

Đẩy mạnh truyền thông giáo dục rộng khắp và thường xuyên, cụ thể: nội dung truyền thông phải phù hợp với các đối tượng, đơn giản, dễ hiểu, tập trung vào

các nội dung chính như phổ biến các quy định pháp luật, kiến thức và thực hành đảm bảo ATTP, hướng dẫn người tiêu dùng lựa chọn sản phẩm thực phẩm đảm bảo an toàn. Cụ thể đối với cấp Thành phố do chủ động về nguồn kinh phí, cần tập trung xây dựng các chương trình, tọa đàm về ATTP phát sóng trên các kênh truyền hình vì đây là kênh thông tin có lượng người theo dõi cao. Tại các quận, huyện và phường, xã cần đa dạng hóa phương tiện và hình thức truyền thông như hệ thống phát thanh, sinh hoạt Hội đoàn, tổ dân phố, hội thảo, hội nghị, băng rôn, tờ rơi, áp phích..., tại các siêu thị, chợ truyền thống duy trì và tăng thời lượng phát thanh tuyên truyền và treo băng rôn, khẩu hiệu. Việc này sẽ dẫn đến hiệu quả do được phân công trách nhiệm phù hợp vào khả năng của từng cấp từ đó tác động trực tiếp đến người tiêu dùng hiệu quả hơn.

Nâng cao ý thức về nhận thức nguy cơ: phải làm cho người dân và cơ quan quản lý hiểu rõ về các nguy cơ ATTP, trên thực tế hiện nay, mọi người thường có xu hướng lo lắng quá mức về vấn đề “thực phẩm bẩn”. Do đó các thông điệp từ cơ quan nhà nước liên quan đến các nguy cơ ATTP cần nhất quán và dựa vào bằng chứng khoa học rõ ràng nhằm tạo dựng lòng tin của người tiêu dùng đối với những khuyến nghị của cơ quan nhà nước về vấn đề ATTP. Đòi hỏi công tác truyền thông của cơ quan nhà nước về ATTP cần tránh làm trầm trọng hóa thêm những nhận thức tiêu cực. Cụ thể thực hiện truyền thông liên tục nhằm lấy lại niềm tin từ người tiêu dùng và hướng dẫn họ đưa ra các quyết định sử dụng thực phẩm theo hướng tích cực; giải đáp kịp thời đối với các vấn đề ATTP mà đôi khi bị hiểu sai và có thể không dựa vào bằng chứng khoa học để lấy lại niềm tin của người tiêu dùng và truyền thông khẩn cấp khi xảy ra các vấn đề về ATTP, với tiêu chí không giấu giếm sự thật và cũng không bảo vệ những bên chịu trách nhiệm cho sự cố về ATTP

Thông tin nhanh chóng và kịp thời qua hệ thống quản lý ATTP, trên trang website của cơ quan QLNN về ATTP và trên các phương tiện truyền thông đại chúng..., đối với các cơ sở mới được công nhận đủ điều kiện tham gia chuỗi thực phẩm, các sản phẩm mới của chuỗi; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm vi phạm về ATTP. Giúp người tiêu dùng tìm hiểu thông tin, hướng dẫn, khuyến cáo về

việc sử dụng các hóa chất, sản phẩm độc hại, an toàn, từ đó chủ động phòng ngừa, không sử dụng các hóa chất, sản phẩm độc hại.

UBND cần phát động phong trào và duy trì việc thực hiện các tiêu chí về ATTP gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”.

Hàng năm tổ chức điều tra Kiến thức - Thái độ - Thực hành của người tiêu dùng, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trên địa bàn Thành phố để đánh giá hiệu quả công tác truyền thông và đề ra các giải pháp tiếp theo để nâng cao chất lượng truyền thông.

Doanh nghiệp cần kiểm soát nguyên liệu đầu vào sản xuất và thành phẩm trước khi đưa ra thị trường trong nước và xuất khẩu, nếu có thể cần đầu tư thêm trang thiết bị hiện đại cho phòng thí nghiệm để nâng cao việc kiểm soát các nguồn nguyên liệu nhập và thành phẩm trước khi đưa ra thị trường. Doanh nghiệp cần phải nhận thức được rằng không thể chỉ vì mục đích lợi nhuận mà gây tổn hại đến sức khỏe con người và làm ảnh hưởng đến lợi ích của toàn xã hội. Ngoài ra việc tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài thông qua các hội nghị hội thảo hoặc tham gia học tập tăng cường đào tạo thông tin tuyên truyền về các vấn đề hội nhập quốc tế cũng hết sức cần thiết. Thông qua các hoạt động này, doanh nghiệp sẽ có điều kiện để tìm hiểu thêm về trình độ năng lực cạnh tranh của các nước khác từ đó có những biện pháp, hướng đi cụ thể đối với doanh nghiệp mình chính vì vậy các doanh nghiệp luôn cần phải có thái độ tích cực chủ động trong việc tham gia các hội thảo quốc tế các hoạt động trao đổi kinh nghiệm với các nước trên thế giới.

Cùng với các giải pháp nêu trên, UBND cần phải đẩy mạnh xã hội hóa công tác tuyên truyền kêu gọi các doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí, bên cạnh công tác tuyên truyền của nhà nước, đoàn thể chính trị xã hội, như Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hiệp hội Người Tiêu dùng và cơ quan truyền thông cần khuyến khích doanh nghiệp tham gia tuyên truyền về ATTP thông qua các chương trình quảng bá sản phẩm thực phẩm của mình.

3.3.2.6. Giải pháp về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ

Thứ nhất, trong quá trình hội nhập quốc tế, chúng ta có cơ hội để xuất khẩu thực phẩm, đồng thời cũng tiếp cận được nhiều hơn với các thực phẩm nhập khẩu từ nước ngoài nhưng nếu hệ thống quản lý không mạnh thì rất dễ biến chúng ta thành thị trường tiêu thụ các loại thực phẩm không bảo đảm an toàn của các nước khác. Từ thực tế đó đòi hỏi bộ máy quản lý về thực phẩm cần phải được đầu tư có chiều sâu cụ thể:

- Thành lập Hội đồng tư vấn Khoa học và Công nghệ về ATTP, qua đó tập hợp được các đội ngũ chuyên gia, nhà quản lý ATTP nhằm tư vấn các giải pháp cải thiện tình hình ATTP trên địa bàn thành phố. Chú trọng công tác nghiên cứu khoa học, phát huy vai trò Hội đồng tư vấn khoa học, phối hợp Sở Khoa học Công nghệ tiến hành các đề tài mang tính ứng dụng cấp thiết cho công tác bảo đảm an toàn thực phẩm thành phố. Cùng với đó đẩy mạnh công tác đào tạo tại các trường đại học có ngành về thực phẩm, thanh tra. Phối hợp với các trường đại học, viện nghiên cứu để triển khai, áp dụng các đề tài nghiên cứu về ATTP. Liên kết, hợp tác quốc tế trao đổi kinh nghiệm quản lý, đào tạo .

- Đề cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, nhất là của chính quyền địa phương. Theo đó, Chủ tịch UBND các cấp chịu trách nhiệm toàn diện về ATTP trên địa bàn, trực tiếp chỉ đạo và thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, thực hiện nhiệm vụ quản lý ATTP của cấp dưới; kiên quyết xử lý cán bộ, công chức thiếu trách nhiệm, buông lỏng quản lý.

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo liên ngành về ATTP các cấp, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo quản lý trên địa bàn. Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp liên ngành để giải quyết những vấn đề về ATTP có tính phức tạp và liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo ở nhiều cấp về chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao năng lực, trình độ của cán bộ, nhất là cán bộ mới tuyển dụng, cán bộ trẻ, kể cả các tỉnh có nguồn thực phẩm cung cấp cho Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị, dụng cụ cho phòng kiểm nghiệm ATTP để kiểm nghiệm được các chỉ tiêu như nấm mốc, vi sinh vật gây

bệnh, kim loại độc, hóa chất độc hại tồn dư, chất độc tố, chất phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, thành phần dinh dưỡng của thực phẩm, đặc biệt kiểm nghiệm thực phẩm biến đổi gen, chiếu xạ và phòng kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO 17025:2010.

Thứ hai, hiện nay nguồn kinh phí hoạt động được trích từ hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP chỉ 10% trên tổng số tiền thu được từ xử phạt vi phạm hành chính. Do nhu cầu quản lý hiện nay, đề xuất cho phép sử dụng 100% nguồn kinh phí xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ATTP để thực hiện các nhiệm vụ QLNN về ATTP cụ thể: trích 20-30% cho công tác khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phát hiện, đấu tranh với các hành vi gây mất ATTP và cho tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác quản lý ATTP, 70% dành cho mua sắm trang thiết bị và phục vụ công tác quản lý ATTP.

Thứ ba, Để nâng cao chất lượng phục vụ và hạn chế việc đi lại nhiều lần cho người dân trong việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính công, tập trung thực hiện cải cách chế độ một cửa, một dấu; triển khai thí điểm tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm qua mạng; triển khai tiếp nhận, giải quyết hồ sơ công bố phù hợp quy định ATTP và công bố hợp quy trực tuyến đạt cấp độ 4 theo Nghị định 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính Phủ Quy định về cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên công thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước; bên cạnh đó thực hiện niêm yết công khai toàn bộ các thủ tục hành chính và được đăng tải trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý.

3.3.2.7. Xã hội hoá hoạt động quản lý nhà nước về ATTP

Mục đích chủ yếu của xã hội hóa lĩnh vực chất lượng VSATTP là nâng cao nhận thức, thái độ và hành vi của mọi thành viên trong xã hội đối với chất lượng thực phẩm, để họ thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước và các quy định của các cơ quan chức năng nhằm bảo đảm sức khỏe của cộng đồng và của bản thân đồng thời nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa của người sản xuất. Cơ quan quản lý cần tập trung khuyến khích lập các phòng thí nghiệm tư nhân kiểm tra chất lượng

VSATTP tại các cơ sở sản xuất thực phẩm. Thực hiện việc tổ chức đánh giá, công nhận và giám sát các cơ sở thực hiện xã hội hóa quản lý ATTP và chỉ định các cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện kiểm nghiệm về ATTP tham gia kiểm định, giám định chất lượng thực phẩm.

Xác định việc cung cấp thông tin của các tổ chức đoàn thể, người dân đối với vụ việc vi phạm về ATTP là hết sức quan trọng nên cần tập trung duy trì và củng cố đường dây nóng cung cấp thông tin về ATTP. Qua đó, khi người dân phát hiện các hành vi vi phạm sẽ cung cấp kịp thời cho lực lượng chức năng tiến hành thanh tra, kiểm tra xử lý kịp thời.

UBND xây dựng các kế hoạch, chương trình nhằm khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các quy trình HACCP, ISO, GAPS ... vào trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhằm nâng cao và cải thiện chất lượng ATTP vì đây là một xu thế của thế giới. Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, doanh nghiệp muốn phát triển bền vững cần phải đầu tư và có chiến lược sản xuất, kinh doanh lâu dài và đòi hỏi phải áp dụng các tiêu chuẩn tiên bộ của thế giới.

Kết luận chương 3

Để bảo đảm ATTP chính là cần nâng cao nhận thức về ATTP, trong đó vẫn là đề cao lương tâm và trách nhiệm của mỗi cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm trong việc chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật về bảo đảm ATTP. Mặt khác, chính người dân cũng cần được tuyên truyền để thay đổi hành vi, có trách nhiệm hơn trong vấn đề lựa chọn và sử dụng thực phẩm. Bên cạnh đó, cần nâng cao trách nhiệm của Chủ tịch UBND các cấp và cán bộ, công chức trong công tác QLNN về ATTP.

Để công tác QLNN về ATTP được hiệu quả thì cần phải giải quyết được bài toán về sự chồng chéo trong quản lý giữa các cơ quan quản lý ATTP đây đang là một thực tế tồn tại từ lâu nhưng việc giải quyết vẫn chưa dứt điểm, đã gây không ít khó khăn cho doanh nghiệp. Cũng từ đó nguồn “thực phẩm bẩn”, thực phẩm không rõ nguồn gốc xuất xứ, không qua kiểm dịch vẫn tràn lan trên thị trường. Để ngăn chặn thảm họa từ mất an toàn vệ sinh thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, rất cần một cơ chế quản lý tập trung để thực thi pháp luật về ATTP.

KẾT LUẬN

Nhu cầu thực phẩm là nhu cầu tất yếu đối với mỗi người dân tuy nhiên, hiện nay do nhiều mục đích khác nhau và chủ yếu là do lợi nhuận, nhiều cơ sở sản xuất và kinh doanh vẫn sử dụng một số phương pháp chăm sóc và bảo quản không thật sự hợp lý gây ảnh hưởng xấu đến tình trạng sức khỏe của người tiêu dùng. Chính vì vậy, việc bảo đảm ATTP ngày càng nóng và cấp thiết đặc biệt là tại Thành phố Hồ Chí Minh một trung tâm kinh tế của cả nước.

Thông qua các phương pháp xây dựng các khái niệm, cơ sở lý luận, phân tích, thống kê, tổng hợp và so sánh số liệu, bài nghiên cứu đã làm nổi bật thực trạng QLNN về ATTP trong lĩnh vực y tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời chỉ ra những bất cập, phân tích nguyên nhân và đề xuất các giải pháp hoàn thiện công tác này, đảm bảo người dân được tiếp cận thực phẩm an toàn tốt cho sức khỏe.

Để xảy ra tình trạng mất ATTP như hiện nay, trách nhiệm thuộc về các cơ quan QLNN; tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm; các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp và người tiêu dùng thực phẩm trong đó trách nhiệm chính thuộc về cơ quan QLNN.

Bảo đảm ATTP thực sự là một cuộc chiến lâu dài, gian khó của cả xã hội và gắn liền với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, để duy trì phát huy hiệu quả và sự bền vững trong công tác bảo đảm ATTP, trong thời gian tới cần không ngừng mở rộng và nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền cho mọi tầng lớp nhân dân về ý nghĩa của VSATTP đối với sức khỏe con người. Bên cạnh đó các cơ quan chức năng cần tăng cường kiểm tra, kiên quyết và triệt để hơn nữa với sự tham gia đầy đủ của nhà quản lý, nhà sản xuất, kinh doanh thực phẩm, nhà khoa học và người tiêu dùng. Các cấp có thẩm quyền cũng cần ban hành các chế tài pháp lý để xử phạt nghiêm khắc đối với các trường hợp sản xuất, vận chuyển, buôn bán, chế biến vi phạm các quy định về VSATTP tùy theo mức độ cụ thể trong đó, điểm mấu chốt nhất hiện nay đó là sự đồng thuận, quyết liệt, triệt để của các cơ quan quản lý trong việc triển khai toàn diện các biện pháp bảo đảm ATTP. Có như vậy chúng ta mới bảo vệ được sức khỏe con người về trước mắt và lâu dài.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư (2011), *Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới*, Hà Nội.
2. Bộ Khoa học và Công nghệ (2013), *Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7087:2013 Ghi nhãn thực phẩm bao gói sẵn*, Hà Nội.
3. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (2010), *Phân tích nguy cơ an toàn thực phẩm: Hướng dẫn cho các cơ quan có thẩm quyền về an toàn thực phẩm quốc gia*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.
4. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Báo cáo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2012*.
5. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Báo cáo công tác vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2013*.
6. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo công tác an toàn thực phẩm năm 2014*.
7. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo công tác an toàn thực phẩm 12 tháng năm 2015*.
8. Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Báo cáo công tác an toàn thực phẩm 12 tháng năm 2016*.
9. Trần Ngọc Duy (2014), *Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế ở Việt Nam hiện nay*, luận văn thạc sĩ luật học, Đại học quốc gia Hà Nội.
10. Học viện Hành chính quốc gia – Viện nghiên cứu hành chính (2000), *Một số thuật ngữ hành chính*, Nxb Thế Giới, Hà Nội.
11. Trần Thị Khúc (2014), *Quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn Tỉnh Bắc Ninh*, luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế, Học viện Nông nghiệp.
12. Nguyễn Thị Tuyết Loan (2017), *Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ thực tiễn Tỉnh Đồng Tháp*, luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.
13. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Báo cáo kết quả giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2011-2016*, Hà Nội.

14. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Luật An toàn thực phẩm*, Hà Nội.
15. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*, Hà Nội.
16. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), *Luật Xử lý vi phạm hành chính*, Hà Nội.
17. Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (2012), *Báo cáo kết quả thanh tra an toàn thực phẩm năm 2012*.
18. Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (2014), *Báo cáo kết quả thanh tra an toàn thực phẩm năm 2013*.
19. Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo kết quả thanh tra an toàn thực phẩm năm 2014*.
20. Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm năm 2015*.
21. Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra an toàn thực phẩm năm 2016*.
22. Đỗ Mai Thành (2010), *Kinh nghiệm quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm của Liên minh Châu Âu và bài học đối với Việt Nam*, Tạp chí Cộng sản điện tử (Số 12).
23. Vũ Sỹ Thành (2012), *Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm từ thực tiễn Thành phố Hà Nội*, luận văn thạc sĩ, Học viện Khoa học Xã hội.
24. Thủ tướng chính phủ (2012), *Quyết định phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm giai đoạn 2012 -2015*, Hà Nội.
25. Tổng cục thống kê (2016), *Niên giám thống kê 2016*, Hà Nội.
26. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về an toàn thực phẩm giai đoạn 2011- 2016 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*.
27. Phạm Hải Vũ – Đào Thế Anh (2016), *An toàn thực phẩm nông sản. Một số hiểu biết về sản phẩm, hệ thống sản xuất phân phối và chính sách nhà nước*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

28. Vụ thị trường trong nước – Bộ Công thương (2014), *Cẩm nang An toàn thực phẩm trong kinh doanh*, Nxb Hồng Đức, Hà Nội.

29. Ngô Thị Xuân (2015), *Quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn Huyện Thái Thụy, Tỉnh Thái Bình*, luận văn thạc sĩ kinh tế, Đại học Thương Mại Hà Nội.

30. Phạm Thị Hồng Yến (2011), *An toàn thực phẩm và việc thực thi hiệp định SPS/WTO: Kinh nghiệm quốc tế và giải pháp đối với Việt Nam*, Nxb Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

31. Official Journal of the European Communities (2002), *Regulation (EC) No 178/2002 of the European parliament and of the council of 28 January 2002 laying down the general principles and requirements of food law, establishing the European Food Safety Authority and laying down procedures in matters of food safety.*

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Văn bản quy định của pháp luật QLNN về ATTP

ST T	Tên loại văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
CHÍNH PHỦ				
1	Nghị định	89/2006/NĐ-CP	30/9/2006	Về nhãn hàng hóa (hết hiệu lực từ ngày 01/6/2017)
2	Nghị định	94/2012/NĐ-CP	12/11/2012	Về sản xuất, kinh doanh rượu
3	Nghị định	38/2012/NĐ-CP	25/4/2012	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm (hết hiệu lực từ ngày 02/02/2018)
4	Nghị định	103/2013/NĐ-CP	12/9/2013	Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản
5	Nghị định	119/2013/NĐ-CP	9/10/2013	Quy định XPVPHC trong lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi
6	Nghị định	178/2013/NĐ-CP	14/11/2013	Quy định XPVPHC về ATTP
7	Nghị định	100/2014/NĐ-CP	06/11/2014	Quy định về kinh doanh và sử dụng sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ, bình bú và vú ngậm nhân tạo
8	Nghị định	67/2016/NĐ-CP	01/7/2016	Quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế
9	Nghị định	09/2016/NĐ/CP	28/01/2016	Quy định về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm
10	Nghị định	31/2016/NĐ-CP	06/5/2016	Quy định XPVPHC trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm dịch thực vật

ST T	Tên loại văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
11	Nghị định	77/2016/ NĐ-CP	01/7/2016	Sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
12	Nghị định	41/2017/ NĐ-CP	05/4/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thủy sản; lĩnh vực thú y, giống vật nuôi, thức ăn chăn nuôi; quản lý rừng, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản
13	Nghị định	43/2017/ NĐ-CP	14/4/2017	Về nhãn hàng hóa
14	Nghị định	08/2018/ NĐ-CP	15/01/2018	Sửa đổi một số Nghị định liên quan đến Điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
15	Nghị định	15/2018/ NĐ-CP	02/02/2018	Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm
BỘ Y TẾ, BỘ CÔNG THƯƠNG, BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN				
1	Thông tư	13/2014/ TTLT	09/4/2014	Hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm
2	Thông tư	34/2014/ TTLT	27/10/2014	Hướng dẫn ghi nhãn hàng hóa đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến thực phẩm bao gói sẵn
BỘ Y TẾ				
1	Thông tư	19/2012/ TT-BYT	09/11/2012	Hướng dẫn việc công bố hợp quy và công bố phù hợp quy định ATTP

ST T	Tên loại văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
2	Thông tư	15/2012/ TT-BYT	12/9/2012	Quy định điều kiện chung bảo đảm ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm
3	Thông tư	16/2012/ TT-BYT	22/10/2012	Quy định về điều kiện ATTP đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế
4	Thông tư	27/2012/ TT-BYT	30/11/2012	Hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm
5	Thông tư	30/2012/ TT-BYT	05/12/2012	Quy định điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh thức ăn đường phố
6	Thông tư	08/2013/ TT-BYT	13/3/2013	Hướng dẫn về quảng cáo thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế
7	Thông tư	11/2014/ TT-BYT	18/3/2014	Quy định quản lý bộ xét nghiệm nhanh thực phẩm
8	Thông tư	43/2014/ TT-BYT	24/11/2014	Quy định về quản lý thực phẩm chức năng
9	Thông tư	47/2014/ TT-BYT	11/12/2014	Hướng dẫn quản lý ATTP đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống
10	Thông tư	08/2015/ TT-BYT	11/5/2015	Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 27/2012/TT-BYT hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm
11	Thông tư	09/2015/ TT-BYT	25/5/2015	Quy định về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của

ST T	Tên loại văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
				Bộ Y tế
12	Thông tư	44/2015/ TT-BYT	30/11/2015	Ban hành “Danh mục vi chất dinh dưỡng sử dụng trong thực phẩm”
13	Thông tư	48/2015/ TT-BYT	01/12/2015	Quy định hoạt động kiểm tra ATTP trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế
14	Thông tư	52/2015/ TT-BYT	21/12/2015	Quy định việc kiểm tra nhà nước về ATTP đối với thực phẩm nhập khẩu và hồ sơ, thủ tục cấp giấy chứng nhận đối với thực phẩm xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý Bộ Y tế
15	Thông tư	17/2016/ TT-BYT	30/6/2016	Quy định việc thu hồi và xử lý thực phẩm không bảo đảm an toàn thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế
16	Thông tư	50/2016/ TT-BYT	30/12/2016	Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN				
1	Thông tư	75/2011/TT- BNNPTNT	31/10/2011	Quy định về đăng ký và xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
2	Thông tư	59/2012/TT- BNNPTNT	09/11/2012	Quy định về quản lý sản xuất rau, quả và chè an toàn
3	Thông tư	02/2013/TT- BNNPTNT	05/01/2013	Quy định phân tích nguy cơ và quản lý ATTP theo chuỗi sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản và muối

ST T	Tên loại văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
4	Thông tư	48/2013/TT- BNNPTNN	12/11/2013	Quy định về kiểm tra, chứng nhận ATTP thủy sản xuất khẩu
5	Thông tư	51/2014/TT- BNNPTNT	27/12/2014	Quy định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thông tư	24/2014/TT- BNNPTTN	29/8/2014	Quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với chợ đầu mối, đấu giá nông sản
7	Thông tư	28/2014/TT- BNNPTNT	04/9/2014	Ban hành Danh mục hóa chất, kháng sinh cấm nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh và sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm tại Việt Nam
8	Thông tư	45/2014/TT- BNNPTNT	03/12/2014	Quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm
9	Thông tư	08/2016/TT- BNNPTNT	01/6/2016	Quy định giám sát an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản
10	Thông tư	02/2017/TT- BNNPTNN	13/02/2017	Sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT
BỘ CÔNG THƯƠNG				
1	Thông tư	45/2012/TT- BCT	28/12/2012	Quy định về hoạt động kiểm tra chất lượng, an toàn thực phẩm trong quá

ST T	Tên loại văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
				trình sản xuất thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương
2	Thông tư	40/2012/TT-BCT	21/12/2012	Quy định cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương
3	Thông tư	60/2014/TT-BCT	27/12/2014	Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 94/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ về sản xuất, kinh doanh rượu
4	Thông tư	58/2014/TT-BCT	22/12/2014	Quy định cấp, thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương
5	Thông tư	57/2015/TT-BCT	31/12/2015	Quy định về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong sản xuất thực phẩm nhỏ lẻ thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương
6	Thông tư	27/2016/TT-BCT	05/12/2016	Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong một số lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương

Phụ lục 2: Văn bản chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn và tổ chức thực hiện trong công tác đảm bảo ATTP của Thành phố Hồ Chí Minh

STT	Tên loại văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
VĂN PHÒNG THÀNH ỦY				
1	Nghị quyết			Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX nhiệm kỳ 2010 - 2015
2	Nghị quyết		17/10/2015	Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X nhiệm kỳ 2015 - 2020
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ				
1	Nghị quyết	15/2012/NQ-HĐND	13/7/2012	Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 06 tháng cuối năm 2012
2	Nghị quyết	28/2012/NQ-HĐND	07/12/2012	Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2013
3	Nghị quyết	20/2013/NQ-HĐND	13/7/2013	Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 06 tháng cuối năm 2013
4	Nghị quyết	38/2013/NQ-HĐND	12/12/2013	Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2014
5	Nghị quyết	28/NQ-HĐND	12/12/2014	Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2015
6	Nghị quyết	05/NQ-HĐND	30/7/2015	Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 06 tháng cuối năm 2015
7	Nghị quyết	35/NQ-HĐND	11/12/2015	Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2016
8	Nghị quyết	13/NQ-HĐND	28/6/2016	Nghị quyết về tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa IX

STT	Tên loại văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
				nhiệm kỳ 2016-2021
9	Nghị quyết	107/NQ-HĐND	05/8/2016	Nghị quyết về chương trình hoạt động giám sát năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố
10	Nghị quyết	108/NQ-HĐND	05/8/2016	Nghị quyết về chương trình hoạt động toàn khóa của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa IX, nhiệm kỳ 2016 -2021
11	Nghị quyết	111/NQ-HĐND	05/8/2016	Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội Thành phố giai đoạn 2016 -2020
12	Nghị quyết	112/NQ-HĐND	05/8/2016	Nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế - xã hội 06 tháng cuối năm 2016
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH				
1	Chỉ thị	04/2012/CT-UBND	18/02/2012	Về tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
2	Chỉ thị	25/CT-UBND	16/11/2012	Về việc tăng cường thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” trên địa bàn Thành phố
3	Quyết định	13/2013/QĐ-UBND	20/3/2013	Về ban hành Quy định về khuyến khích chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2013 - 2015

STT	Tên loại văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
4	Quyết định	53/2013/QĐ-UBND	27/11/2013	Về ban hành Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ giữa Ủy ban nhân dân Thành phố với Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố
5	Chỉ thị	07/2013/CT-UBND	17/4/2013	Về việc tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
6	Chỉ thị	18/CT-UBND	27/11/2013	Về tổ chức đón Tết Giáp Ngọ năm 2014
7	Quyết định	01/2014/QĐ-UBND	08/01/2014	Về việc ban hành Kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh và ngân sách Thành phố; Chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2014
8	Quyết định	14/2014/QĐ-UBND	14/4/2014	Về ban hành Quy định cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống
9	Chỉ thị	07/2014/CT-UBND	26/3/2014	Về triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

STT	Tên loại văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
10	Chỉ thị	17/2014/CT-UBND	18/7/2014	Về triển khai các giải pháp chủ yếu tập trung hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu về kinh tế - xã hội và ngân sách 2014
11	Chỉ thị	03/2014/CT-UBND	12/8/2014	Về tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch cúm gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
12	Chỉ thị	20/CT-UBND	25/8/2014	Về xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội Thành phố 5 năm 2016-2020
13	Chỉ thị	25/2014/CT-UBND	16/9/2014	Về tăng cường công tác quản lý về hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
14	Chỉ thị	26/2014/CT-UBND	17/9/2014	Về việc tăng cường các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
15	Quyết định	12/2015/QĐ-UBND	27/02/2015	Về việc ban hành Tiêu chí cánh đồng lớn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
16	Chỉ thị	02/CT-UBND	09/01/2016	Về đẩy mạnh các biện pháp phòng, chống bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
17	Chỉ thị	18/CT-UBND	18/11/2015	Về tổ chức đón mừng năm mới và Tết Bính Thân năm 2016

STT	Tên loại văn bản	Số văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu
18	Chỉ thị	23/CT-UBND	10/12/2015	Về thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và ngân sách năm 2016
19	Quyết định	01/QĐ-UBND	09/01/2016	Về kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, ngân sách Thành phố và chương trình công tác của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2016
20	Quyết định	04/2016/QĐ-UBND	23/02/2016	Về ban hành quy định về khuyến chuyên dịch cơ cấu nông nghiệp đô thị trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2016-2020
21	Quyết định	26/2016/QĐ-UBND	21/7/2016	Ban hành Quy chế cấp và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện tham gia "chuỗi thực phẩm an toàn" của Thành phố Hồ Chí Minh.

Phụ lục 3: Số liệu kiểm tra ATTP tại Thành phố Hồ Chí Minh

Cấp	Nội dung	2012	2013	2014	2015	2016	Tổng
Thành phố	Tổng số cơ sở kiểm tra	1.252	1.245	1.416	1.541	2.686	8.140
	Số cơ sở đạt	582	638	1.090	1.230	2.196	5.736
	Số cơ sở vi phạm	670	607	326	311	490	2.404
	Số sơ sở nhắc nhở	670	607	326	3	117	1.723
	Số cơ sở xử lý VPHC	0	0	0	308	373	681
	Số tiền phạt VPHC (Triệu đồng)	0	0	0	4.455,7	3.205,05	7.660,75
Quận Huyện	Tổng số cơ sở kiểm tra	9.339	10.532	11.462	10.226	10.802	52.361
	Số cơ sở đạt	5.991	6.341	8.589	7.580	7.073	35.574
	Số cơ sở vi phạm	3.348	4.191	2.873	2.646	3.729	16.787
	Số sơ sở nhắc nhở	2.536	3.359	1.725	1.827	2.524	11.971
	Số cơ sở xử lý VPHC	812	832	1.148	819	1.205	4.816
	Số tiền phạt VPHC (Triệu đồng)	3.835,65	4.563,05	5.167,8	5.338,9	7.345	26.250,5
Phường Xã	Tổng số cơ sở kiểm tra	27.155	30.818	29.942	26.016	35.071	149.002

Số cơ sở đạt	17.096	18.967	18.550	17.570	21.119	93.302
Số cơ sở vi phạm	10.059	11.851	11.392	8.446	13.952	55.700
Số sơ sở nhắc nhở	9.674	11.340	11.090	7.943	13.052	53.099
Số cơ sở xử lý VPHC	385	511	302	503	900	2.601
Số tiền phạt VPHC (Triệu đồng)	748,5	588,6	382,7	498,5	1.060,1	3.278,4

Phụ lục 4: Số liệu thanh tra ATTP tại Thành phố Hồ Chí Minh

Cấp		2012	2013	2014	2015	2016	Tổng
Thành phố	Tổng số cơ sở thanh tra	697	311	282	286	330	1.906
	Số cơ sở đạt	328	164	167	177	213	1.049
	Số cơ sở vi phạm	369	147	115	109	117	857
	Số sơ sở nhắc nhở	0	0	0	0	0	0
	Số cơ sở xử lý VPHC	369	147	115	109	117	857
	Số tiền phạt VPHC (Triệu đồng)	2.435,3	1.284,5	1.679,3	1.314,67	1.662,45	8.367,2
Quận Huyện (*)	Tổng số cơ sở thanh tra	0	0	0	0	766	766
	Số cơ sở đạt	0	0	0	0	222	222
	Số cơ sở vi phạm	0	0	0	0	544	544
	Số sơ sở nhắc nhở	0	0	0	0	132	132
	Số cơ sở xử lý VPHC	0	0	0	0	412	412
	Số tiền phạt VPHC (Triệu đồng)	0	0	0	0	2.141,7	2.141,7
Phường Xã (*)	Tổng số cơ sở thanh tra	0	0	0	0	761	761
	Số cơ sở đạt	0	0	0	0	369	369
	Số cơ sở vi phạm	0	0	0	0	392	392

	phạm						
	Số sở sở nhắc nhờ	0	0	0	0	136	136
	Số cơ sở xử lý VPHC	0	0	0	0	256	256
	Số tiền phạt VPHC (Triệu đồng)	0	0	0	0	323,55	323,55

Phụ lục 5: Kết quả giám sát chất lượng thực phẩm giai đoạn 2012 – 2016 tại Thành phố Hồ Chí Minh

Thực phẩm	Tổng số mẫu	Số mẫu kiểm vi sinh	Số mẫu kiểm hoá lý	Kết quả kiểm nghiệm vi sinh				Kết quả kiểm nghiệm hoá lý							
				Đạt	Tỷ lệ (%)	Không đạt	Tỷ lệ (%)	Đạt	Tỷ lệ (%)	Tồn dư hoá chất	Tỷ lệ (%)	Hoá chất ngoài danh mục	Tỷ lệ (%)	Không đạt chất lượng	Tỷ lệ (%)
Rau củ quả tươi	38		38					30	79	4	10,5	4	10,5		
Rau củ quả ngâm	20		20					11	55	5	25	4	20		
Thịt tươi	32		32					31	96,9	1	3,1				
Thịt qua chế biến	916	899	916	600	66,7	299	33,3	738	80,6	77	8,4	101	11		
Kem	277	277	13	90	32,5	187	67,5	13	100						
Sản phẩm từ bột	482	1	482	1	100			439	91,1	11	2,3	32	6,6		
Mứt, xí muối	54	48	54	48	100			30	55,5	15	27,8	9	16,7		
Dầu ăn	240		240					188	78,3	52	21,7				

Nước chấm	37		37					37	100						
TPCN	83	40	43	34	85	6	15	23	53,5					20	46,5
Nước đá	384	384		52	13,5	332	86,5								
Nước uống đóng chai, bình	408	393	279	177	45	216	55	14	5					265	95
Nước sinh hoạt	92	92	92	92	100			91	98,9					1	1,1
Đồ uống, nước ngọt	206	89	192	39	43,8	50	56,2	192	100						
Dụng cụ chứa đựng thực phẩm	24		24					14	58,3			10	41,7		
Thực phẩm khác	5647	4288	1068	3719	86,7	569	13,3	916	90					107	10
Tổng	8940	6511	3530	4852	74,5	1659	25,5	2812	79,7	165	4,7	160	4,5	393	11,1

**NHẬN XÉT PHẢN BIỆN
LUẬN VĂN THẠC SỸ LUẬT HỌC**

Đề tài: “ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRONG LĨNH VỰC Y TẾ TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH”

Chuyên ngành:Luật Hiến pháp và luật hành chính
Của học viên: **Nguyễn Tiến Dũng**
Người nhận xét: **T/S Phạm Quang Huy**
Đơn vị: Học Viện Hành Chính quốc gia

Sau khi đọc xong luận văn và bản tóm tắt luận văn tôi có nhận xét sau:

Về tính cấp thiết của đề tài:

Những lí do để học viên chọn đề tài nêu phần mở đầu luận văn tôi hoàn toàn nhất trí và đánh giá cao.

Việc học viên thực hiện đề tài này thực sự có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Tên đề tài phù hợp chuyên ngành Luật Hiến pháp và luật Hành chính, mã số 60.38.01.02

Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài, tác giả nêu được 05 công trình, có phân tích kết quả nghiên cứu của các công trình đó cũng như những vấn đề cần phải nghiên cứu thêm.

Mục đích, nhiệm vụ, đối tượng, phạm vi nghiên cứu xác định đúng và rõ ràng.Các phương pháp nghiên cứu được trình bày cụ thể, khoa học. Văn phong tốt.

Bố cục 3 chương là hợp lý. Tên các chương là phù hợp. Giữa các chương có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: Chương một là cơ sở lý luận để chương hai đánh giá thực trạng, chương ba đề ra giải pháp.

Những kết quả đạt được về nội dung:

Chương 1: Cơ sở lý luận quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế.

Luận văn đã lý giải một cách thấu đáo khái niệm an toàn thực phẩm. trên cơ sở đó làm rõ khái niệm, đặc điểm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm (tr.8-tr.10). Phân tích sự cần thiết quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Luận văn tập trung phân tích nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế của UBND cấp tỉnh. Cụ thể đã làm rõ các nội dung sau đây:

- Hoạch định chính sách và triển khai các chương trình nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm.
- Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật và các chính sách trong sản xuất kinh doanh thực phẩm.
- Chế độ thông tin, báo cáo công tác an toàn thực phẩm.
- Tổ chức bộ máy quản lý, đào tạo cán bộ thực thi công vụ.
- Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm.
- Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn thực phẩm.

Các nội dung trên về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm phân tích sâu sắc đầy đủ các khía cạnh, chú ý nêu các quy định của pháp luật. Đây là nội dung quan trọng của chương 1, làm cơ sở để trình bày thực trạng và đề ra giải pháp. Ngoài ra luận văn còn làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế của UBND cấp tỉnh (tr.24); yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại TP.HCM.

Dựa trên các nội dung quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm nêu ở chương 1, ở chương này luận văn trình bày thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo 6 nội dung. Mỗi một nội dung trình bày số lượng, chất lượng công việc có so sánh với các tỉnh, thành phố lân cận để làm rõ hoạt động quản lý nhà nước của UBND và các cơ quan chuyên môn của TP.HCM. Số liệu dựa trên báo cáo thống kê của chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm TP.HCM nên con số đáng tin cậy. luận văn đã đưa ra đánh giá những hạn chế và nguyên nhân của hạn chế, chủ yếu là những quy định của pháp luật. sự đánh giá khá chi tiết, cụ thể và đầy đủ các khía cạnh (tr.48-tr.53).

Chương 3. Phương hướng và giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại TP.HCM.

Trên cơ sở văn bản của chính phủ và của UBND TP.HCM, luận văn đã đưa ra định hướng mục tiêu quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm tại TP.HCM rõ ràng, cụ thể, ngắn gọn; (tr.58-tr.59)

Luận văn đưa ra 2 nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại TP.HCM.

Nhóm 1: Hoàn thiện pháp luật tránh bất cập, chồng chéo, quy định sự phân công phối hợp giữa các ngành chức năng (tr.59-tr.60)

Nhóm 2: Các giải pháp hoàn thiện công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm gồm có 7 giải pháp. Các giải pháp đề ra đều dựa trên cơ sở lý luận và thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đã phân tích ở chương 2. Các giải pháp là cụ thể và có tính khả thi.

5.Kết luận:

Luận văn là công trình nghiên cứu công phu, có giá trị thực tiễn cao. Tác giả luận văn am hiểu thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại TP.HCM. Luận văn đáp ứng yêu cầu cả về nội dung và hình thức. Đề nghị hội đồng đánh giá luận văn thông qua.

Câu hỏi: Giải pháp cấp bách để chặn đứng tình trạng mất an toàn thực phẩm hiện nay ?

Người nhận xét



T.S Phạm Quang Huy

NHẬN XÉT LUẬN VĂN THẠC SĨ

Đề tài: Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật hành chính

Mã số: 8.38.01.02

Của học viên: Nguyễn Tiến Dũng – Học viên Khoa học xã hội.

Người nhận xét: Trần Minh Đức

Đơn vị công tác: Học viện khoa học xã hội

Chức danh trong hội đồng: Người nhận xét 2

1. Về tính cấp thiết của đề tài luận văn

Đề tài luận văn có tính cấp thiết bởi vì: Thực phẩm an toàn đóng góp to lớn trong việc cải thiện sức khỏe con người, chất lượng cuộc sống và chất lượng giống nòi. Tuy nhiên thực tế hiện nay tình trạng thực phẩm “bẩn” vẫn không ngừng gia tăng trong cả nước. Việt Nam đang trở thành quốc gia thuộc vùng nóng về vấn đề an toàn thực phẩm khi các vấn đề về thực phẩm ngày càng đe dọa đến tính mạng và sức khỏe con người. Chính vì vậy, việc chọn đề tài Quản lý nhà nước an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế, nhất là gắn với địa bàn TP. Hồ Chí Minh, với hơn 60.000 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành y tế quản lý là việc làm có tính cấp thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Nội dung đề tài phù hợp với tên đề tài, phù hợp với chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính, mã số 8.38.01.02.

2. Về phương pháp nghiên cứu

Tác giả đã sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu để giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn đề ra, như phân tích, thống kê, lịch sử...là những phương pháp truyền thống nhưng phù hợp và có độ tin cậy trong việc nghiên cứu đề tài luận văn.

3. Kết quả nghiên cứu

Theo tôi, luận văn đã đạt được một số thành công sau đây:

Thứ nhất, tác giả đã phân tích những vấn đề lý luận xoay quanh tên đề tài để làm cơ sở đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về vệ sinh an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế, đó là nêu ra các khái niệm và rút ra cách hiểu về quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm là gì; đề tài đã tập trung làm rõ phương pháp, nội dung, trách nhiệm của chủ thể quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

Nhìn chung, với cách tiếp cận chương 1, tác giả luận văn đã giải quyết tương đối tốt yêu cầu của chương lý luận. Không những vậy, tác giả còn nêu và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm ở mục 1.5, theo tôi là hợp lý.

Thứ hai, trên cơ sở khung lý luận nêu trên, tác giả đã phân tích, đánh giá thực trạng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế tại TP. Hồ Chí Minh. Việc đánh giá vấn đề quản lý nhà nước dựa trên tình hình an toàn thực phẩm, thực tế số vụ vi phạm an toàn thực phẩm. Đề tài đã chỉ rõ những ưu điểm, nhược điểm của vấn đề quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm. Cách tiếp cận lần lượt từng vấn đề này theo tôi, làm cho nội dung đánh giá toàn diện và khách quan hơn.

Thứ ba, các lập luận của luận văn được minh chứng bằng các số liệu và phụ lục rất cụ thể, điều này thể hiện tác giả là người rất am hiểu lĩnh vực nghiên cứu.

4. Về hạn chế của luận văn

Thứ nhất, luận văn sẽ tốt hơn nếu có thêm tiểu mục ở chương 1 bàn về trình tự, thủ tục quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế. Vì an toàn thực phẩm đã có rất nhiều quy định nhưng hiện tượng vi phạm vẫn diễn ra phổ biến.

Thứ hai, ở chương 2 luận văn mới tập trung đánh giá những hạn chế của công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, cần đánh giá cả những kết quả đạt được tại thành phố Hồ Chí Minh, thì việc đánh giá mới toàn diện

5. Kết luận chung


Luận văn được tác giả viết nghiêm túc, công phu; luận văn đáp ứng được yêu cầu của Luận văn thạc sĩ luật học. Do đó, luận văn có đủ điều kiện để bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ để nhận học vị thạc sĩ luật học.

Câu hỏi: Cơ quan quản lý đã có biện pháp quản lý nhà nước nào hay để ngăn chặn thực phẩm không an toàn thực phẩm từ các tỉnh vào TP. Hồ Chí Minh

Xác nhận chữ ký bên là
của TS. Trần Minh Đức

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2018

Người nhận xét



TS. Trần Minh Đức

...TPHCM..., ngày...17 tháng...5 năm 2018.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM LUẬN VĂN THẠC SĨ**

Căn cứ Quyết định số 1742/QĐ-HVKHXH, ngày 14 tháng 4 năm 2018 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội về việc thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ cho học viên cao học: ... Nguyễn Trần Dũng ... sinh ngày 31/12/1983

Tên đề tài luận văn: ... QLNN về an ninh thực phẩm thủy sản y tế từ thực tiễn HCM ...

Ngành: ... Luật HP và luật HC ...; Mã số: ... 838 010 2 ...

Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ đã họp vào hồi 16 giờ ... phút, ngày 12 tháng 5 năm 2018 tại ... Hồ Sỹ Lê ở HKHXH (TPHCM) ...

Sau khi nghe học viên trình bày tóm tắt luận văn thạc sĩ, các phản biện đọc nhận xét, học viên trả lời các câu hỏi, Hội đồng đã họp, trao đổi ý kiến và thống nhất kết luận:

1. Tính cấp thiết, thời sự, ý nghĩa lí luận và thực tiễn của đề tài luận văn.

2. Bố cục, phương pháp nghiên cứu, tài liệu tham khảo của luận văn.

3. Kết quả nghiên cứu:

- Về luận văn:

- Về công trình khoa học (nếu có)

4. Hạn chế của luận văn (nếu có):

- tên chuyên ngành sai; 1 số vấn đề lý luận QLVN về ATTP từ mô hình.
- Chq 2. đã giả thiết hay QLVN, chưa cho thấy thực tiễn quy định pháp luật về QLVN đối với ATTP, đã giả thiết ra, kinh tế, XLPhan.
- Chưa đảm bảo logic.

5. Đánh giá chung:

Đạt yêu cầu

6. Kết quả bỏ phiếu chấm luận văn của Hội đồng:

Luận văn đạt 8,5..... điểm.

7. Kiến nghị của Hội đồng về việc công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ cho học viên:

- Đề nghị Học viện Khoa học xã hội công nhận học vị và cấp bằng thạc sĩ ngành

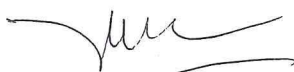
luật học.....cho Học viên

Nguyễn Trần Dũng.....

Nghị quyết này được ... 5/5... thành viên của Hội đồng nhất trí thông qua.

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)


Trần Thị Tuyết Dung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)


PGT-B Bùi Nguyễn Khôi

XÁC NHẬN CỦA HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TP Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2018

**BẢN GIẢI TRÌNH CHỈNH SỬ LUẬN VĂN
THEO KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM LUẬN VĂN THẠC SĨ**

Họ tên học viên: NGUYỄN TIẾN DŨNG

Đề tài luận văn: Quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính.

Mã số: 8.38.01.02

Người hướng dẫn khoa học: TS Đỗ Minh Khôi

- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại Học viện Khoa học xã hội theo Quyết định số: 1742/QĐ-HVKHXH ngày 11 tháng 4 năm 2018 của Giám đốc Học viện Khoa học xã hội về việc thành lập Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ.

1. Yêu cầu chỉnh sửa của Hội đồng:

- Điều chỉnh lại tên Chương 1 (Trang 6)
- Chưa đánh giá thực trạng quy định pháp luật về QLNN đối với ATTP.

2. Học viên đã chỉnh sửa:

- Tên Chương 1 “Cơ sở lý luận quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế” sửa lại thành “Một số vấn đề lý luận quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực y tế”. (Trang 6)

- Chương 2 bổ sung mục 2.2 Thực trạng quy định pháp luật về QLNN đối với ATTP. (Trang 31)

Trên đây là toàn bộ giải trình các nội dung chỉnh sửa luận văn theo kết luận của Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ. Học viên kính trình thầy/cô hướng dẫn và các cấp có thẩm quyền của Học viện Khoa học xã hội xem xét, quyết định./.

Ý KIẾN CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

Ý KIẾN NGƯỜI HƯỚNG DẪN

HỌC VIÊN

Học viên đã sửa
Đỗ Minh Khôi

Nguyễn Tiến Dũng